

TOÀ PHÚC THẨM CỦA CỘNG HOÀ SINGAPORE

[2025] SGCA 50

Toà Phúc thẩm / Phúc thẩm Dân sự số 48 năm 2024

Giữa

Tập

Joint
Stock
Compan
y
(Power
Machin
es –
ZTL,
LMZ,
Electros
ila
Energ
machex
port)

... Nguyên đơn

... Bị đơn

Toà Phúc thẩm / Phúc thẩm Dân sự số 49 năm 2024

Giữa

Joint
Stock
Compan
y
(Power
Machin
es –
ZTL,
LMZ,
Electros
ila
Energ
machex
port)

... Nguyên đơn

... Bị đơn

Và

Tập
đoàn
Dầu khí
Việt
Nam

Trong vụ việc liên quan đến Đơn khởi kiện số 346 năm 2024

Giữa

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

... Nguyên đơn

Và

Joint Stock Company (Power
Machines – ZTL, LMZ,
Electrosila Energomachexport)

... Bị đơn

Trong vụ việc liên quan đến Đơn khởi kiện số 141 năm 2024 (Giấy triệu tập
số 988 năm 2024).

Giữa

Joint
Stock
Compan
y
(Power
Machin
es –
ZTL,
LMZ,
Electros
ila
Energo
machex
port)

... Nguyên đơn

... Bị đơn

Và

Tập
đoàn
Dầu khí
Việt
Nam

QUYẾT ĐỊNH

[Trọng tài – Phán quyết – Biên pháp pháp lý đối với Phán quyết – Huỷ bỏ
Phán quyết]

[Trọng tài – Phán quyết – Trả để xem xét lại]

Bản án này có thể được chỉnh sửa, biên tập cuối cùng do tòa án phê duyệt và/hoặc được biên tập lại theo nghĩa vụ của cơ quan ban hành nhằm tuân thủ pháp luật, trước khi được công bố trên LawNet và/hoặc Singapore Law Reports.

**Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
và
Joint Stock Company (Power Machines – ZTL, LMZ,
Electrosila Energomachexport) và các kháng cáo khác**

[2025] SGCA 50

Toà Phúc thẩm – Các vụ kháng cáo dân sự số 48 và 49 năm 2024
Sundaresh Menon CJ, Steven Chong JCA and Belinda Ang JCA
Ngày 08/07/2025

Ngày 10/10/2025

Judgment reserved.

Sundaresh Menon CJ (thay mặt Toà tuyên rằng):

1 Các toà án thường xuyên khẳng định rằng tuân thủ nguyên tắc can thiệp tư pháp ở mức tối thiểu. Khi các bên đã lựa chọn trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp, họ sẽ bị ràng buộc bởi thoả thuận đó; và những tiêu chuẩn nghiêm ngặt sẽ được áp dụng đối với các bên muốn phản đối hoặc chống lại việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài. Tuy nhiên, khi các tiêu chuẩn này được đáp ứng, thì vì mục đích đảm bảo tính hợp lệ của quá trình trọng tài, việc ban hành các biện pháp phù hợp là cần thiết.

2 Vụ việc hiện tại phát sinh từ một dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện tại Việt Nam (gọi là “Dự án”). Các bên trong vụ kháng cáo bao gồm Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”), chủ đầu tư của Dự án, và Công ty Cổ phần (Power Machines – ZTL, LMZ, Electrosila Energomachexport) (“PM”), một thành viên trong liên danh (gọi là “Liên danh”) đảm nhận vai trò nhà thầu cho

Dự án. Khi xuất hiện một số bất đồng nghiêm trọng, PM đã tìm cách chấm dứt hợp đồng với PVN thông qua hai thông báo chấm dứt riêng biệt. PVN phản đối quyền chấm dứt hợp đồng của PM, và tranh chấp giữa các bên được đưa ra trọng tài. Quá trình trọng tài này dẫn đến một phán quyết (gọi là “Phán quyết Cuối cùng”), với các nội dung chủ yếu có lợi cho PM. Trong phiên tòa sơ thẩm, một Thẩm phán của Tòa Thượng thẩm thuộc Phân ban Chung (gọi là “Thẩm phán”) cho rằng một số phần của Phán quyết Cuối cùng có thể bị hủy vì vượt quá thẩm quyền và/hoặc vi phạm nguyên tắc công bằng tự nhiên. Tuy nhiên, Thẩm phán đã từ chối hủy Phán quyết Cuối cùng và thay vào đó quyết định trả lại các phần bị ảnh hưởng cho Hội đồng Trọng tài để xem xét thêm. Quyết định của Thẩm phán là đối tượng của hai kháng cáo chéo: kháng cáo số CA/CA 48/2024 (“CA 48”) do PVN thực hiện nhằm phản đối quyết định trả lại một phần phán quyết cho Hội đồng Trọng tài; và kháng cáo số CA/CA 49/2024 (“CA 49”) do PM thực hiện để phản đối kết luận rằng một số phần của Phán quyết Cuối cùng có thể bị hủy.

Bối cảnh

Hợp đồng EPC

3 Vào khoảng năm 2013, PVN đã ký kết một hợp đồng với Liên danh liên quan đến Dự án (gọi là “Hợp đồng EPC”).¹ Hợp đồng EPC bao gồm nhiều văn bản hợp đồng, trong đó có “Thỏa thuận Hợp đồng” và “Điều kiện Hợp đồng” (gọi là “Các Điều kiện”).² Theo Điều 1.4 của Các Điều kiện, Hợp đồng EPC được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.³ Điều 20.3 của Các Điều kiện quy định một thỏa thuận trọng tài, theo đó mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng EPC sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Singapore,

¹ Vietnam Oil and Gas Group kiện Joint Stock Company (Power Machines – ZTL, LMZ, Electrosila Energomachexport) và một vụ việc khác [2024] SGHC 244 (“GD”) tại đoạn [8]; Bản đệ trình bằng văn bản của PVN cho vụ CA/CA 48/2024 đề ngày 27 tháng 12 năm 2024 (“Bản đệ trình CA 48 của PVN”) tại đoạn 5.

² GD tại đoạn [8]; Bản đệ trình bằng văn bản của PM cho vụ CA/CA 49/2024 đề ngày 27 tháng 12 năm 2024 (“Bản đệ trình CA 49 của PM”) tại đoạn 5. Xem Hợp đồng EPC tại Tập tài liệu thống nhất đã được các bên đồng thuận (“AB”) Phần B, từ trang 58 đến 226.

³ Xem điều khoản 1.4 tại AB Phần B, trang 88.

Vietnam Oil and Gas Group v Joint Stock Company (Power Machines – ZTL, LMZ, Electrosila Energomachexport) [2025] SGCA 50
theo Quy tắc Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (“SIAC”) đang có hiệu lực tại thời điểm đó.⁴

4 Đặc biệt quan trọng đối với các kháng cáo là các Điều 16.2(b) và 19.6 của Các Điều kiện, quy định về quyền của các bên trong việc chấm dứt Hợp đồng EPC:

(a) Điều 16.2(b) cho phép PM chấm dứt Hợp đồng EPC nếu các khoản thanh toán đến hạn không được thanh toán trong vòng 150 ngày kể từ thời điểm thanh toán được quy định trong Hợp đồng EPC.⁵

(b) Điều 19.6 cho phép bất kỳ bên nào trong Hợp đồng EPC có quyền chấm dứt hợp đồng nếu toàn bộ hoặc phần lớn công việc đang được thực hiện bị gián đoạn trong một khoảng thời gian liên tục là 84 ngày do sự kiện bất khả kháng, với điều kiện là đã có thông báo theo quy định tại Điều 19.2. Điều 19.6 cũng quy định rõ các khoản tiền mà PVN phải thanh toán cho PM trong trường hợp hợp đồng bị chấm dứt trên cơ sở này.⁶

Các sự kiện dẫn đến quá trình trọng tài

5 Dự án được khởi công vào ngày 30 tháng 01 năm 2015.⁷ Vào ngày 26 tháng 01 năm 2018, PM bị đưa vào danh sách Các Đối tượng Chỉ định Đặc biệt và Bị phong tỏa do Văn phòng Kiểm soát Tài sản Nước ngoài của Hoa Kỳ (OFAC) công bố (gọi là “Lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ”).⁸ Điều này dẫn đến việc mọi cá nhân và tổ chức thuộc đối tượng pháp lý của Hoa Kỳ bị cấm tham gia vào bất kỳ giao dịch nào có liên quan đến PM. Hệ quả là, nhiều nhà thầu phụ của PM đã đình chỉ việc thực hiện các nghĩa vụ của họ theo các hợp

⁴ Xem điều khoản 20.3 tại AB Phần B, trang 183.

⁵ Xem điều khoản 16.2 tại AB Phần B, trang 168.

⁶ Xem điều khoản 19.6 tại AB Phần B, trang 180.

⁷ Đoạn 317 của Phán quyết Cuối cùng; AB Phần D, trang 72.

⁸ GD tại [11]; Bản đệ trình bằng văn bản của PVN trong vụ CA/CA 48/2024 tại đoạn 6.

đồng phụ đã ký với PM.⁹ Vào ngày 5 tháng 02 năm 2018, PM đã gửi một thông báo tới PVN theo quy định tại Điều 19.2 của Các Điều kiện,¹⁰ trong đó PM khẳng định rằng việc áp đặt Lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ cấu thành một sự kiện bất khả kháng theo định nghĩa tại Điều 19.1.¹¹

6 Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 1 năm 2019, PM và PVN đã tiến hành đàm phán về một số vấn đề, bao gồm khả năng sắp xếp việc thanh toán trực tiếp giữa PVN và các nhà thầu phụ của PM, cũng như các phương án thanh toán giữa PVN và PM mà không vi phạm Lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ.¹² Đồng thời, trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2018, PM đã thực hiện nhiều yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng EPC (gọi là “Các Yêu cầu Thanh toán Còn Tồn Động”).¹³ Sau đó, vào ngày 10 tháng 01 năm 2019, PM đã gửi thư cho PVN, trong đó một lần nữa yêu cầu thanh toán các khoản tiền theo Các Yêu cầu Thanh toán Còn Tồn Động; đồng thời cảnh báo rằng nếu không được thanh toán, PM sẽ tiến hành chấm dứt Hợp đồng EPC theo quy định tại Điều 16.2(b) của Các Điều kiện.¹⁴

7 Cuối cùng, vào ngày 28 tháng 01 năm 2019, PM đã gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng EPC theo quy định tại Điều 19.6 của Các Điều kiện với lý do việc áp đặt Lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ cấu thành một sự kiện bất khả kháng (gọi là “Thông báo Thứ nhất”).¹⁵ Thông báo Thứ nhất nêu rõ rằng Hợp đồng EPC sẽ chấm dứt vào ngày 18 tháng 02 năm 2019.

8 Vào ngày 8 tháng 2 năm 2019, PM đã gửi thông báo chấm dứt hợp đồng lần thứ hai với lý do các khoản thanh toán đã quá hạn hơn 150 ngày (gọi

⁹ GD tại [12].

¹⁰ Điều khoản 19.2 có thể được tìm thấy tại AB Phần B, trang 179.

¹¹ Thông báo về sự kiện bất khả kháng được trích lại tại đoạn 88 trong Bản Tường Trình Khiếu Nại của PM trong quá trình trọng tài (“PM’s SOC”); AB Phần E, trang 59–60.

¹² GD tại các đoạn [12]–[15]. Để xem chi tiết diễn biến theo trình tự thời gian, tham khảo Phán quyết Cuối cùng từ đoạn 316 đến 382; AB Phần D, trang 72–77.

¹³ PM’s SOC tại đoạn 238; AB Phần E, trang 131.

¹⁴ Phán quyết Cuối cùng tại đoạn 359; AB Phần D, trang 75. Xem thêm PM’s SOC tại đoạn 255; AB Phần E, trang 135.

¹⁵ GD tại [16]. Xem Thông báo Chấm dứt Lần Thứ Nhất (“First Notice”) tại AB Phần N, trang 258–260.

là “Thông báo Thứ hai”). Trong Thông báo Thứ hai, PM tuyên bố rằng họ đang thực hiện quyền chấm dứt theo Điều 16.2(b) của Các Điều kiện, và Hợp đồng EPC sẽ chấm dứt vào ngày 22 tháng 2 năm 2019.¹⁶

Tổ tụng trọng tài

9 Các bên đã đưa tranh chấp của mình ra trọng tài SIAC. Về phần mình, PM cho rằng họ đã thực hiện quyền chấm dứt Hợp đồng EPC một cách hợp pháp dựa trên hai cơ sở sau:

(a) Lập luận chính của PM là Hợp đồng EPC được coi là đã chấm dứt vào ngày 18 tháng 2 năm 2019 theo Điều 19.6 của Các Điều kiện do lý do bất khả kháng.¹⁷

(b) Ngoài ra, PM còn cho rằng Hợp đồng EPC được coi là đã chấm dứt vào ngày 22 tháng 2 năm 2019 theo Điều 16.2(b) của Các Điều kiện do PVN không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.¹⁸

Trên cơ sở cho rằng đã chấm dứt hợp đồng EPC một cách hợp pháp, PM yêu cầu bồi thường bằng tiền, bao gồm các khoản mà PM được hưởng theo Điều 19.6.¹⁹ Ngoài ra, bất kể hợp đồng EPC đã chấm dứt hay chưa, PM cũng yêu cầu thanh toán các khoản tiền còn nợ theo các Yêu cầu Thanh toán Còn Tồn Động.²⁰

10 Đáp lại, PVN cho rằng việc phát hành Thông báo Thứ nhất là hành vi chấm dứt hợp đồng EPC trái pháp luật vì Lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ không cấu thành sự kiện bất khả kháng.²¹ Hơn nữa, Thông báo Thứ hai không phải là một thông báo chấm dứt hợp lệ vì PM đã, thông qua Thông báo Thứ nhất,

¹⁶ Xem Thông báo Chấm dứt Lần Thứ Hai (“Second Notice”) tại AB Phần N, trang 261–264.

¹⁷ GD tại [21(a)]. Xem PM’s SOC tại đoạn 187; AB Phần E, trang 115.

¹⁸ GD tại [21(b)]. Xem PM’s SOC tại đoạn 208; AB Phần E, trang 121.

¹⁹ SOC tại đoạn 305; AB Phần E, trang 162.

²⁰ SOC tại đoạn 308; AB Phần E, trang 163.

²¹ GD tại [22(a)]. Xem Bản Tự Bào Chữa của PVN trong trọng tài (“PVN’s Defence”) tại đoạn 178; AB Phần F, trang 193.

trước đó đã đơn phương chấm dứt hợp đồng EPC một cách trái pháp luật và bỏ dở công việc.²² PVN cũng tranh chấp về số tiền còn nợ mà họ phải trả cho PM theo các Yêu cầu Thanh toán Còn Tồn Động.

11 Vào ngày 30 tháng 11 năm 2023, Hội đồng Trọng tài (“Hội đồng”) đã ban hành Phán quyết Cuối cùng. Các kết luận chính có thể tóm tắt như sau:

(a) PM đã không chứng minh được rằng Lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ cấu thành sự kiện bất khả kháng theo tiêu chí quy định tại Điều 19.1 của Các Điều kiện.²³ Do đó, việc PM tuyên bố chấm dứt Hợp đồng EPC bằng Thông báo Thứ nhất là không có cơ sở pháp lý.²⁴

(b) Theo luật Việt Nam, một thông báo chấm dứt hợp đồng dù không có cơ sở cũng đủ để chấm dứt hợp đồng, và các bên từ đó được miễn trừ các nghĩa vụ theo hợp đồng.²⁵ Trên cơ sở này, Thông báo Thứ nhất, dù không có cơ sở pháp lý, vẫn được xem là đủ để chấm dứt Hợp đồng EPC.

(c) Tuy nhiên, ngày hiệu lực chấm dứt hợp đồng được xác định là ngày kết thúc thời hạn thông báo liên quan, chứ không phải là ngày phát hành thông báo chấm dứt. Do đó, vào ngày Thông báo Thứ hai được gửi đi (ngày 8 tháng 2 năm 2019), hợp đồng EPC vẫn còn hiệu lực vì thời điểm chấm dứt theo Thông báo Thứ nhất là ngày 18 tháng 2 năm 2019.²⁶

(d) Điểm quan trọng là, Hội đồng Trọng tài đã kết luận tại đoạn 548 và 549 của Phán quyết Cuối cùng như sau:²⁷

²² GD tại [22(b)]. Xem PVN’s Defence tại đoạn 195(i); AB Phần F, trang 196.

²³ Phán quyết Cuối cùng tại đoạn 519; AB Phần D, trang 116.

²⁴ Phán quyết Cuối cùng tại đoạn 525; AB Phần D, trang 117.

²⁵ Phán quyết Cuối cùng tại đoạn 543; AB Phần D, trang 120.

²⁶ Phán quyết Cuối cùng tại các đoạn 545 và 547; AB Phần D, các trang 121–122.

²⁷ AB Phần D, trang 122.

548 Theo quan điểm của Hội đồng, Thông báo Thứ hai hợp lệ được phát hành trong khi hợp đồng vẫn còn hiệu lực sẽ thay thế và vượt lên trên Thông báo Thứ nhất không hiệu lực. Việc PM gửi Thông báo Thứ hai trước khi Thông báo Thứ nhất có hiệu lực cho thấy PM có ý định thay thế hoặc ít nhất là bổ sung cho Thông báo Thứ nhất. Nếu không chấp nhận như vậy sẽ dẫn đến kết luận phi lý rằng một bên chỉ có “một cơ hội duy nhất” để chấm dứt hợp đồng và không thể rút lại hoặc sửa đổi khi hợp đồng vẫn còn hiệu lực.

549 Để đầy đủ, Hội đồng lưu ý rằng các chuyên gia pháp luật Việt Nam không đề cập cụ thể đến trường hợp hiện tại với Thông báo Thứ nhất trái pháp luật và Thông báo Thứ hai hợp pháp (mặc dù, dù sao đi nữa, Hội đồng cũng thấy đủ căn cứ để tiến hành theo quan điểm nêu trên).

(e) Hội đồng Trọng tài tiếp tục xác định rằng PM đã chấm dứt hợp pháp Hợp đồng EPC vào ngày 22 tháng 2 năm 2019 thông qua Thông báo Thứ hai,²⁸ và do đó đã phán quyết bồi thường thiệt hại tương ứng. Trong số các khoản bồi thường được trao cho PM có số tiền 307.755.346,38 đô la Mỹ theo Điều 19.6(a) của Các Điều kiện, được xác định dựa trên cơ sở PM đã chấm dứt hợp pháp và hiệu quả Hợp đồng EPC bằng Thông báo Thứ hai.²⁹

Quyết định tại cấp dưới

12 Trong vụ HC/OA 141/2024, PM đã được tòa án cho phép thi hành Phán quyết Cuối cùng theo Điều 19 của Luật Trọng tài Quốc tế năm 1994 (sửa đổi năm 2020) (“IAA”). PVN sau đó đã nộp đơn theo thủ tục HC/OA 346/2024 (“OA 346”) để xin hủy bỏ Phán quyết Cuối cùng, đồng thời nộp đơn theo thủ tục HC/SUM 988/2024 (“SUM 988”) để xin hủy bỏ lệnh trước đó cho phép PM thi hành Phán quyết Cuối cùng. OA 346 và SUM 988 được xét xử cùng nhau trước Thẩm phán.

13 Thẩm phán xác định có cơ sở để hủy bỏ Phán quyết Cuối cùng vì Hội đồng Trọng tài đã vượt quá thẩm quyền và vi phạm nguyên tắc công bằng tư

²⁸ Phán quyết Cuối cùng tại đoạn 576; AB Phần D, trang 134.

²⁹ Phán quyết Cuối cùng tại các đoạn 580 và 647; AB Phần D, các trang 135 và 153.

nhiên: xem vụ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam kiện Joint Stock Company (Power Machines – ZTL, LMZ, Electrosila Energomachexport) và một vụ khác [2024] SGHC 244 (“GD”).

14 Về vấn đề công bằng tự nhiên, Thẩm phán nhận định rằng Hội đồng Trọng tài đã vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng vì đã sử dụng một chuỗi lập luận không có liên quan đến bất kỳ quan điểm nào của các bên và không cho các bên cơ hội được trình bày ý kiến về phương pháp tiếp cận mà Hội đồng đã áp dụng khi đưa ra phán quyết. Cụ thể, Thẩm phán tập trung vào lập luận của Hội đồng tại đoạn 548 của Phán quyết Cuối cùng, cho rằng PM phải có ý định Thông báo Thứ hai sẽ thay thế hoặc ít nhất là bổ sung cho Thông báo Thứ nhất, dẫn đến việc Thông báo Thứ nhất không còn hiệu lực để chấm dứt Hợp đồng EPC (GD tại [42]).

15 Theo quan điểm của Thẩm phán, lập luận của Hội đồng rằng PM phải có ý định Thông báo Thứ hai thay thế hoặc bổ sung cho Thông báo Thứ nhất không liên quan đến các quan điểm của các bên. Không bên nào đưa ra luận điểm này trong quá trình tranh tụng (GD tại [43]).

(a) Một khía cạnh quan trọng trong lập luận chính của PM dựa trên quan điểm rằng Thông báo Thứ nhất là hợp lệ và do đó, Thông báo Thứ hai không có ý định rút lại hoặc ảnh hưởng đến Thông báo Thứ nhất (GD tại [43]). Lập luận thay thế của PM, rằng họ đã chấm dứt Hợp đồng EPC theo Thông báo Thứ hai, dựa trên giả định rằng Thông báo này được phát hành vào ngày 8 tháng 2 năm 2019 khi hợp đồng EPC vẫn chưa chấm dứt (GD tại [38]), và ngầm định rằng Thông báo Thứ nhất không hợp lệ sẽ không có hiệu lực gì.

(b) Ngược lại, lập luận của PVN về Thông báo Thứ hai là Hợp đồng EPC đã bị chấm dứt theo Thông báo Thứ nhất (trái pháp luật). Do đó, tại thời điểm có hiệu lực chấm dứt theo Thông báo Thứ hai (ngày

22 tháng 2 năm 2019), hợp đồng đã không còn tồn tại để có thể chấm dứt (GD tại [39]).

16 Do đó, Thẩm phán kết luận rằng Phán quyết Cuối cùng vi phạm Khoản 24(b) của Luật Trọng tài Quốc tế (IAA) và Điều 34(2)(a)(ii) của Luật Mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế (“Luật Mẫu”), vốn có hiệu lực pháp lý tại Singapore theo Khoản 3(1) kết hợp với Phụ lục Một của IAA. Hơn nữa, trên cơ sở tương tự, Hội đồng Trọng tài đã đi ngược lại các lập luận của các bên và do đó Phán quyết Cuối cùng cũng vi phạm Điều 34(2)(a)(iii) của Luật Mẫu (GD tại [44]).

17 Tuy nhiên, thay vì hủy bỏ Phán quyết Cuối cùng, Thẩm phán cho rằng nên ra lệnh trả lại cho Hội đồng Trọng tài để xem xét lại vấn đề sau (GD tại [48]):

“Trong tình huống này, tôi trả lại cho Hội đồng Trọng tài câu hỏi liệu Thông báo Thứ hai có vượt qua, thay thế, bổ sung hay thay thế Thông báo Thứ nhất... sao cho Thông báo Thứ hai có hiệu lực để chấm dứt Hợp đồng EPC vào ngày 22 tháng 2 năm 2019, và trong trường hợp Hội đồng quyết định Thông báo Thứ hai không có hiệu lực chấm dứt hợp đồng, cần thực hiện những điều chỉnh gì khác đối với Phán quyết Cuối cùng.”

Theo quan điểm của Thẩm phán, việc trả lại hồ sơ là thích hợp vì có thể loại bỏ được các cơ sở để hủy bỏ phán quyết. Hơn nữa, Hội đồng Trọng tài đã có các kết luận khác, bao gồm quyền được thanh toán của PM mà không có lý do gì để hủy bỏ (GD tại [46]). Thẩm phán cũng bác bỏ phản đối của PVN cho rằng Hội đồng không thể quyết định công bằng vấn đề này (GD tại [47]). Do đó, Thẩm phán đã tạm hoãn thủ tục hủy bỏ trong OA 346 và hoãn phiên xử SUM 988 chờ quyết định của Hội đồng Trọng tài về vấn đề được trả lại (GD tại [62]).

18 Cuối cùng, Thẩm phán cũng bác bỏ quan điểm của PVN cho rằng khoản bồi thường 307.755.346,38 đô la Mỹ theo Điều 19.6(a) của Các Điều kiện cần được hủy bỏ vì trong lập luận của PM về yêu cầu bồi thường liên

quan đến Thông báo Thứ hai không bao gồm khoản bồi thường này. Thẩm phán nhận định Hội đồng Trọng tài không vi phạm nguyên tắc công bằng tự nhiên cũng không vượt quá thẩm quyền vì PM đã nhiều lần đề cập đến nghĩa vụ thanh toán của PVN theo Điều 19.6(a) trong chính Thông báo Thứ hai, cũng như trong phần luận cứ, bài phát biểu khai mạc và bản tóm tắt sau phiên điều trần liên quan đến Thông báo Thứ hai (GD tại [50]–[61]).

Phán quyết về vấn đề được trả lại

19 Trước khi phiên tòa xét xử này diễn ra, Hội đồng Trọng tài đã tiến hành nghe ý kiến các bên về vấn đề được trả lại và ban hành phán quyết vào ngày 12 tháng 3 năm 2025 (“Phán quyết trả lại”).³⁰ Trong Phán quyết trả lại, Hội đồng kết luận không cần sửa đổi đoạn 548 hay bất kỳ phần nào khác của Phán quyết Cuối cùng. Hội đồng lập luận rằng Hợp đồng EPC không loại trừ việc phát hành hai thông báo chấm dứt theo các điều khoản khác nhau, và vào tất cả các thời điểm có liên quan, cả hai bên đều biết rằng PM có ý định chấm dứt Hợp đồng EPC dựa trên cả hai căn cứ bất khả kháng và không thanh toán. Do đó, hiệu lực của Thông báo Thứ hai là cung cấp một cơ sở bổ sung, thay thế cho việc chấm dứt nếu như lập luận chính của PM về bất khả kháng thất bại. Theo đó, Hội đồng đã trả lời câu hỏi được trả lại của Thẩm phán bằng cách xác nhận rằng Thông báo Thứ hai được phát hành hợp lệ và, xét tính không hiệu quả của Thông báo Thứ nhất, đã thay thế Thông báo Thứ nhất.³¹ Chúng tôi không xem xét Phán quyết trả lại khi đưa ra quyết định trong các kháng cáo này.

20 Vào ngày 30 tháng 4 năm 2025, PVN khởi kiện vụ HC/OA 444/2025 (“OA 444”) tại Phân ban Chung của Tòa án Thượng thẩm và đề nghị hủy bỏ Phán quyết trả lại, dựa trên những lý do tương tự, cụ thể là Hội đồng Trọng tài đã vi phạm nguyên tắc công bằng tự nhiên và vượt quá thẩm quyền; nhưng

³⁰ Tập tài liệu liên hợp bổ sung – Phần A, từ trang 10 đến 64.

³¹ Phán quyết sau khi hoàn trả tại các đoạn 129, 175 và 186; Tập tài liệu liên hợp bổ sung – Phần A, tại các trang 48–49, 59 và 63.

PVN còn cho rằng Phán quyết trả lại bị ảnh hưởng bởi sự thiên vị rõ ràng.³²

Phiên xử OA 444 đã được hoãn theo sự đồng ý của các bên, chờ quyết định của chúng tôi về các kháng cáo hiện tại.

Các quan điểm của các bên trong kháng cáo

21 Các bên đã nộp kháng cáo chéo đối với quyết định của Thẩm phán. Trong vụ CA 49, PM kháng cáo về việc Thẩm phán xác định có cơ sở để hủy bỏ Phán quyết Cuối cùng. Trong vụ CA 48, PVN kháng cáo quyết định của Thẩm phán về việc ra lệnh trả lại hồ sơ thay vì hủy bỏ phán quyết.

CA 49 (Lý do để hủy bỏ Phán quyết Cuối cùng)

22 PM phản đối cả hai lý do hủy bỏ mà Thẩm phán nêu ra, chủ yếu dựa trên các lập luận tương tự nhau. PM cho rằng Thẩm phán đã sai khi cho rằng không có mối liên hệ giữa lập luận của Hội đồng tại đoạn 548 và các luận cứ, bằng chứng do các bên đưa ra trong trọng tài. PM khẳng định rằng “vấn đề chung hơn” về việc liệu PM có chấm dứt hợp pháp Hợp đồng EPC bằng cách phát hành Thông báo Thứ nhất và/hoặc Thông báo Thứ hai hay không đã được các bên tranh luận và chứng minh bằng các bằng chứng.³³ Trong số đó, PM dẫn chứng ý kiến của chuyên gia pháp luật Việt Nam của mình, ông Lê Bá Thanh Chung (“ông Chung”),³⁴ cũng như bằng chứng của hai chuyên gia pháp luật Việt Nam của PVN là Lord Tường Duy Lương (“Lord Lương”) và Giáo sư Trần Việt Dũng (“GS Dũng”).³⁵

23 PM khẳng định rằng Hội đồng Trọng tài không bị cấm đưa ra kết luận và suy luận về hiệu lực của Thông báo Thứ hai đối với Thông báo Thứ nhất,

³² Bản Lập Luận Phản Biện của PVN cho CA/CA 48/2024 ngày 28 tháng 5 năm 2025 (“Bản Lập Luận Phản Biện CA 48 của PVN”) tại đoạn 2.

³³ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 49/2024 tại đoạn 18.

³⁴ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 49/2024 tại đoạn 21(5). Xem thêm đoạn 177 trong Báo cáo chuyên gia của ông Chung tại AB Phần I trang 270.

³⁵ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 49/2024 tại đoạn 28. Xem Bản Tóm Tắt Vị Trí của Các Chuyên Gia tại AB Phần R trang 27.

mặc dù PM không đưa ra hay trình bày rằng khi phát hành Thông báo Thứ hai, họ có ý định thay thế hoặc sửa đổi Thông báo Thứ nhất; đồng thời, các chuyên gia pháp lý của các bên cũng không đề cập rõ ràng về hậu quả pháp lý khi Thông báo Thứ nhất không hợp lệ theo sau bởi Thông báo Thứ hai hợp pháp, như Hội đồng Trọng tài đã ghi nhận tại đoạn 549 của Phán quyết Cuối cùng (xem [11(d)] ở trên).³⁶ Thêm vào đó, PM cho rằng PVN đã thực chất thảo luận với Hội đồng Trọng tài về vấn đề mà Hội đồng đã nêu trong lý luận của mình, do đó không bị tước quyền được trình bày quan điểm.³⁷

24 Vì có sự liên kết hợp lý giữa chuỗi lý luận của Hội đồng Trọng tài và các lập luận, bằng chứng của các bên, PM cho rằng Hội đồng có quyền đưa ra lập trường riêng bằng cách rút ra suy luận và kết luận hợp lý từ các bằng chứng và lập luận đó.³⁸ Do vậy, lý luận của Hội đồng tại đoạn 548 là một kết quả có thể dự đoán được.³⁹ Như vậy, Thẩm phán đã sai lầm khi kết luận rằng Hội đồng Trọng tài đã vi phạm nguyên tắc xử lý công bằng và/hoặc vượt quá thẩm quyền khi đưa ra kết luận tại đoạn 548 của Phán quyết Cuối cùng.

25 Luật sư của PM, ông Edmund Kronenburg, trình bày trước tòa rằng ngay cả khi nguyên tắc xử lý công bằng bị vi phạm, PVN cũng không bị thiệt hại vì vi phạm này, bởi PVN cũng sẽ không thay đổi lập trường dù được Hội đồng yêu cầu trình bày về vấn đề nêu tại đoạn 548. Ông Kronenburg cho rằng PVN chỉ giữ nguyên quan điểm rằng Thông báo Thứ hai không thể rút lại hoặc thay đổi Thông báo Thứ nhất, và Thông báo Thứ hai không có hiệu lực sau khi Thông báo Thứ nhất đã chấm dứt Hợp đồng EPC.

26 Ngược lại, PVN đề nghị duy trì kết luận của Thẩm phán rằng không có yếu tố nào trong các lập luận hay bằng chứng của các bên có thể cho một bên đứng trong vị trí của PVN nhận thức được cách tiếp cận mà Hội đồng Trọng

³⁶ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 49/2024 tại đoạn 22.

³⁷ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 49/2024 tại các đoạn 29–30.

³⁸ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 49/2024 tại các đoạn 24, 25 và 33.

³⁹ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 49/2024 tại các đoạn 34–41.

tài dự định áp dụng tại đoạn 548 của Phán quyết Cuối cùng. Về lập luận của PM rằng “vấn đề chung hơn” về hiệu lực của Thông báo Thứ nhất và/hoặc Thông báo Thứ hai đã được đưa ra trước Hội đồng Trọng tài, PVN cho rằng đây là cách diễn đạt quá trừu tượng, không phù hợp với các lập luận cụ thể trong vụ án.⁴⁰ PVN cũng lưu ý rằng, trong quá trình trọng tài, PM đã trình bày các Thông báo Thứ nhất và Thứ hai là các lựa chọn thay thế cho nhau, không phải là bổ sung. Vì vậy, vấn đề cụ thể về việc Thông báo Thứ hai sẽ có hiệu lực ra sao nếu Thông báo Thứ nhất bị coi là không hợp lệ là vấn đề mà các bên cần được trao cơ hội tranh luận. Luật sư của PVN, ông Colin Ong KC, nhấn mạnh rằng PM liên tục giữ quan điểm rằng Thông báo Thứ nhất là hợp lệ và Thông báo Thứ hai không nhằm thay thế hoặc ảnh hưởng đến Thông báo Thứ nhất, điều này hoàn toàn mâu thuẫn với kết luận của Hội đồng tại đoạn 548 rằng PM “phải được coi là có ý định để Thông báo Thứ hai thay thế hoặc ít nhất là bổ sung cho Thông báo Thứ nhất”.⁴¹ Chúng tôi hiểu rằng lập luận này đã làm rõ khiếu nại cốt lõi của PM rằng lập luận của Hội đồng Trọng tài không có mối liên hệ hợp lý với các lập trường đã được các bên trình bày.

²⁷ Do đó, không có tài liệu liên quan nào thực sự đang được xem xét hoặc nằm trong phạm vi tranh luận mà từ đó có thể hợp lý cho rằng lập luận của Hội đồng Trọng tài đã phát sinh, và Hội đồng Trọng tài cũng không hề thông báo cho các bên để họ có cơ hội trình bày quan điểm về vấn đề này.⁴²

CA 48 (Yêu cầu trả hồ sơ lại Hội đồng Trọng tài)

Lập luận của PVN

²⁸ Trong CA 48, PVN cho rằng PM đã không có yêu cầu hợp lệ đối với việc trả hồ sơ lại Hội đồng Trọng tài. Do đó, phán quyết của Thẩm phán đã vi phạm quy định tại Điều 34(4) của Luật Mẫu, theo đó một lệnh trả hồ sơ chỉ có

⁴⁰ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PVN cho CA/CA 49/2024 ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại đoạn 22.

⁴¹ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PVN cho CA/CA 49/2024 tại các đoạn 23 và 25.

⁴² Xem Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PVN cho CA/CA 49/2024 tại các đoạn 54 và 57–63.

29 Liên quan đến vấn đề này, lập luận đầu tiên của PVN là yêu cầu trả hồ sơ theo Điều 34(4) lẽ ra phải được đưa ra (a) thông qua một đơn triệu tập mới yêu cầu trả hồ sơ kèm theo một bản tuyên thệ hỗ trợ, hoặc (b) trong bản tuyên thệ trả lời của PM được nộp trong vụ việc OA 346 nhằm phản đối đơn yêu cầu hủy phán quyết của PVN.⁴³ Do đó, ngay cả khi PM có đưa ra yêu cầu miệng về việc trả hồ sơ tại phiên điều trần trước Thẩm phán, thì yêu cầu miệng đó cũng không đáp ứng các yêu cầu thủ tục cần thiết. PVN lập luận rằng cơ sở của các yêu cầu thủ tục này nằm trong các quy định chung về việc nộp đơn theo Quy tắc Tổ tụng 2021 (“ROC 2021”).⁴⁴

30 PVN còn lập luận thêm rằng, trong mọi trường hợp, yêu cầu miệng của PM lẽ ra phải đưa ra đầy đủ bằng chứng và tài liệu cần thiết để chứng minh cho yêu cầu trả hồ sơ, nhằm đảm bảo rằng PVN không bị ảnh hưởng bất lợi.⁴⁵ Lập luận này dường như được đưa ra mà không làm ảnh hưởng đến lập trường của PVN rằng PM thậm chí còn chưa đưa ra yêu cầu miệng về việc trả hồ sơ tại phiên điều trần trước Thẩm phán.

31 Cuối cùng, PVN lập luận rằng việc trả hồ sơ lại cho Hội đồng Trọng tài trong bất kỳ trường hợp nào cũng không phù hợp vì:

- (a) Không có cơ sở hợp lý nào để kỳ vọng rằng PVN còn có thể tin tưởng vào khả năng của Hội đồng Trọng tài trong việc xem xét lại vấn đề đã được trả hồ sơ, đặc biệt khi lập luận của Hội đồng tại đoạn 548 là một vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc công bằng tự nhiên. Một khi Hội đồng Trọng tài đã quyết định rằng lập luận chính của PM về việc chấm dứt hợp đồng thông qua Thông báo Thứ nhất là không thành công, thì lẽ ra Hội đồng phải kết luận rằng Thông báo Thứ nhất của

⁴³ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PVN cho CA/CA 48/2024 tại đoạn 44.

⁴⁴ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PVN cho CA/CA 48/2024 tại các đoạn 28–43.

⁴⁵ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PVN cho CA/CA 48/2024 tại đoạn 45.

PM đã dẫn đến việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng EPC một cách sai luật (theo luật Việt Nam). Thật vậy, Hội đồng đã nhận thức được rằng đây là nguyên tắc thông thường theo luật Việt Nam (xem [11(b)] ở trên). Thay vào đó, Hội đồng lại tiến hành đưa ra kết luận tại đoạn 548 mà không có bất kỳ chứng cứ chuyên gia nào về nguyên tắc liên quan của luật Việt Nam vốn được cho là cho phép kết luận đó, cũng như không có bất kỳ bằng chứng nào chứng minh cho ý định thực sự của PM khi đưa ra Thông báo Thứ hai, trong khi hành vi thực tế của PM lại trái ngược với ý định mà Hội đồng đã suy diễn cho PM. Điều này được củng cố bởi đoạn 549, trong đó PVN cho rằng Hội đồng đã thừa nhận rằng họ "hoàn toàn không có cơ sở nào từ các chứng cứ chuyên gia về luật Việt Nam hiện có liên quan đến hai Thông báo Chấm dứt để làm căn cứ cho quyết định tại đoạn 548".⁴⁶

(b) PVN cũng viện dẫn Phán quyết Trả hồ sơ để chứng minh rằng Hội đồng Trọng tài thực tế không thể được tin tưởng giao nhiệm vụ xem xét lại một cách công bằng. Hội đồng đã từ chối xem xét các bằng chứng bổ sung vốn đã bị thiếu sót ngay từ đầu, và đưa ra một kết luận thiếu nhất quán, mà chính Hội đồng biết rằng họ không có bằng chứng để hỗ trợ, và điều đó được đưa ra trong hoàn cảnh thiếu các “yếu tố nền tảng” cần thiết của luật Việt Nam.⁴⁷ Như đã đề cập ở trên, lập luận này đã bị bác bỏ..

(c) Hơn nữa, nếu đoạn 548 của Phán quyết Cuối cùng bị hủy bỏ hoặc bị đảo ngược, thì tác động đến toàn bộ phán quyết sẽ là rất lớn vì phán quyết bồi thường thiệt hại cho PM sẽ phải bị hủy bỏ, và sẽ cần có nhiều thay đổi đáng kể trong quyết định của Hội đồng Trọng tài.⁴⁸ Điều này cũng khiến cho việc trả hồ sơ về cho Hội đồng Trọng tài để giải

⁴⁶ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PVN cho CA/CA 48/2024 tại các đoạn 67–69.

⁴⁷ Bản Lập Luận Phản Biện của PVN cho CA/CA 48/2024 tại đoạn 2.

⁴⁸ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PVN cho CA/CA 48/2024 tại đoạn 74.

quyết một vấn đề quan trọng như vậy trở nên không thể chấp nhận được.

Lập luận của PM

32 PM lập luận rằng họ đã đưa ra yêu cầu trả hồ sơ lại Hội đồng Trọng tài tại phiên điều trần vụ việc OA 346 trước Thẩm phán, như đã được ghi nhận trong biên bản lời khai của Thẩm phán.⁴⁹ PM cũng cho rằng không nên đặt ra giới hạn về thời điểm mà một bên có thể đưa ra yêu cầu trả hồ sơ, hoặc về hình thức của yêu cầu đó. Trong trường hợp hiện tại, không thể kỳ vọng một cách hợp lý rằng PM phải đưa ra yêu cầu trả hồ sơ trước khi khả năng này được Thẩm phán nêu ra tại phiên điều trần, đặc biệt khi trước phiên điều trần không có dấu hiệu nào cho thấy Thẩm phán có thể kết luận rằng có căn cứ để hủy Phán quyết Cuối cùng.⁵⁰ PM cũng bác bỏ lập luận của PVN rằng yêu cầu trả hồ sơ phải được đưa ra bằng cách nộp một đơn triệu tập mới kèm theo bản tuyên thệ hỗ trợ, với lý do rằng nếu áp dụng quy tắc này thì quy định O 48 r 3 trong Bộ Quy tắc Tổ tụng 2021 (“ROC 2021”) sẽ trở nên vô hiệu.⁵¹ Để cung cấp thêm bối cảnh, O 48 r 3(2) kết hợp với O 48 r 3(1) quy định một số đơn hoặc yêu cầu nhất định gửi lên Tòa án phải được nộp cho Thẩm phán hoặc Thư ký Tòa án thông qua đơn triệu tập trong một vụ kiện hoặc bằng đơn khởi kiện ban đầu, ví dụ như các đơn xin lệnh tạm thời theo Điều 12A của Đạo luật Trọng tài Quốc tế (IAA). Tuy nhiên, các yêu cầu trả hồ sơ không nằm trong danh sách các đơn hoặc yêu cầu thuộc phạm vi áp dụng của O 48 rr 3(1) và 3(2).

33 Hơn nữa, PM lập luận rằng lệnh trả hồ sơ là phù hợp trong bối cảnh vụ việc này vì các khiếm khuyết trong Phán quyết Cuối cùng chỉ liên quan đến một vấn đề độc lập, có thể khắc phục và sửa chữa được, và việc trả hồ sơ giúp

⁴⁹ Xem Biên bản Lời khai (ngày 19 tháng 7 năm 2024) tại trang 12, dòng 1 và 2; AB Phần A, trang 57.

⁵⁰ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 48/2024 đề ngày 14 tháng 5 năm 2025 (“Bản Lập Luận CA 48 của PM”) tại đoạn 7.

⁵¹ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 48/2024 tại đoạn 16.

tránh phải hủy bỏ các nhận định khác khi không có lý do hay căn cứ để làm như vậy.⁵² PM cũng không đồng tình với lập luận của PVN cho rằng Hội đồng Trọng tài sẽ không thể đưa ra phán quyết một cách công bằng, vì những chỉ trích của PVN nhắm vào giá trị nội dung của phán quyết trọng tài, chứ không liên quan đến việc một người quan sát khách quan và hợp lý có thể tiếp tục tin tưởng vào khả năng của Hội đồng trong việc đưa ra một kết luận công bằng và cân bằng đối với vấn đề được trả hồ sơ, hay sẽ có lý do chính đáng để nghi ngờ điều đó.⁵³

Các vấn đề phát sinh trong kháng cáo

34 Các vấn đề sau đây được đặt ra để xem xét:

- (a) Liệu kết luận của Hội đồng Trọng tài tại đoạn 548 của Phán quyết Cuối cùng có vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng hay không;
- (b) Liệu Hội đồng Trọng tài có vượt quá thẩm quyền khi đưa ra kết luận tại đoạn 548 của Phán quyết Cuối cùng hay không;
- (c) Liệu PM có đưa ra yêu cầu miêng về việc trả hồ sơ và nếu có, thì yêu cầu đó có tuân thủ các yêu cầu thủ tục áp dụng hay không; và
- (d) Liệu Thẩm phán có sai lầm khi ban hành lệnh trả hồ sơ hay không.

Hội đồng Trọng tài có vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng hay không

Các nguyên tắc áp dụng

35 Trước hết, chúng tôi sẽ xem xét liệu Hội đồng Trọng tài có vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng hay không, đây cũng là trọng điểm trong lập luận của PM trong CA 49. Theo nguyên tắc đã được công nhận, một bên khi khiếu

⁵² Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 48/2024 tại các đoạn từ 18 đến 22.

⁵³ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 48/2024 tại các đoạn 24 đến 25.

nại về phán quyết trọng tài vì vi phạm các quy tắc về công lý tự nhiên phải chứng minh bốn yếu tố: (a) quy tắc cụ thể về công lý tự nhiên đã bị vi phạm; (b) cách thức vi phạm; (c) mối liên hệ giữa vi phạm với việc ban hành phán quyết; và (d) cách thức vi phạm làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên đó: vụ John Holland Pty Ltd (trước đây là John Holland Construction & Engineering Pty Ltd) kiện Toyo Engineering Corp (Nhật Bản) [2001] 1 SLR(R) 443 tại đoạn [18]; vụ BZW và người khác kiện BVZ [2022] 1 SLR 1080 (“BZW v BVZ”) tại đoạn [59]; vụ CJA kiện CIZ [2022] 2 SLR 557 (“CJA v CIZ”) tại đoạn [68].

36 Trong vụ việc này, Thẩm phán đã kết luận rằng nguyên tắc xét xử công bằng đã bị vi phạm do chuỗi lập luận mà Hội đồng Trọng tài áp dụng tại đoạn 548 của Phán quyết Cuối cùng (xem GD tại [35] và [43]). Các nguyên tắc áp dụng để giải quyết những vi phạm được cáo buộc này không có tranh chấp. Về bản chất, một khía cạnh của nguyên tắc xét xử công bằng yêu cầu chuỗi lập luận của Hội đồng phải có sự liên kết hợp lý với lập luận mà các bên đưa ra và là một chuỗi lập luận mà các bên đã được thông báo hợp lý rằng Hội đồng có thể hoặc có thể sẽ sử dụng. Theo đó, một chuỗi lập luận được phép của Hội đồng nếu: (a) nó xuất phát từ các lập luận rõ ràng của bên liên quan; (b) nó được nêu lên một cách hợp lý từ các lập luận của bên đó; (c) nó không có trong các lập luận của bên liên quan nhưng dưới một hình thức nào đó đã được đưa đến sự biết thực tế của bên đối lập; hoặc (d) các mắt xích trong chuỗi lập luận hợp lý phát sinh từ các luận điểm thực tế mà một trong hai bên đã đưa ra hoặc có liên quan đến các luận điểm đó (BZW v BVZ tại đoạn [60(b)]; xem thêm CJA v CIZ tại đoạn [69], trích dẫn vụ JVL Agro Industries Ltd kiện Agritrade International Pte Ltd [2016] 4 SLR 768 (“JVL Agro”) tại đoạn [159]).

37 Mỗi quan tâm cốt lõi đằng sau các nguyên tắc này là công bằng, theo

đó Hội đồng cần phải tạo cơ hội hợp lý cho các bên trình bày vụ việc và phản bác các luận điểm được đưa ra chống lại họ. Một người tham gia tố tụng trong hoàn cảnh tương tự các bên phải có khả năng dự đoán trước được khả năng xuất hiện của loại lập luận như cuối cùng được thể hiện trong phán quyết (vụ *Soh Beng Tee & Co Pte Ltd kiện Fairmount Development Pte Ltd* [2007] 3 SLR(R) 86 (“*Soh Beng Tee*”) tại đoạn [65(a)] và [65(d)]; xem thêm *JVL Agro* tại đoạn [160]–[161]). Phân tích này cần được áp dụng một cách hợp lý, không cứng nhắc hay máy móc. Hội đồng không bị giới hạn hay ràng buộc phải chấp nhận lập luận của bất kỳ bên nào. Hội đồng có thể bác bỏ cả hai quan điểm và tìm ra giải pháp dựa trên các lập luận khác. Tuy nhiên, câu hỏi then chốt mà Hội đồng cần cân nhắc là liệu, một cách rõ ràng hay ngụ ý, kết luận của Hội đồng có hợp lý phát sinh từ các lập luận đã được đưa ra, sao cho không bên nào có thể một cách công bằng cho rằng họ bị bất ngờ và không thể hoặc không nên dự đoán được kết luận cũng như lập luận của Hội đồng.

38 Đồng thời, việc trong phán quyết xuất hiện kết quả gây bất ngờ hoặc không lường trước được không phải là yếu tố quyết định việc nguyên tắc xét xử công bằng có bị vi phạm hay không (xem vụ *Glaziers Engineering Pte Ltd kiện WCS Engineering Construction Pte Ltd* [2018] 2 SLR 1311 tại đoạn [54]–[55]; so sánh vụ *Soh Beng Tee* tại đoạn [41]). Câu hỏi, như đã nêu, về cơ bản là câu hỏi về tính công bằng và liệu các bên có được tạo điều kiện đầy đủ để phản hồi các vấn đề mà họ biết hoặc hợp lý nên biết là đang được xem xét hay không.

39 Cuối cùng, như đã lưu ý trong vụ *Phoenixfin Pte Ltd kiện Convexity Ltd* [2022] 2 SLR 23 (“*Phoenixfin*”), mức độ cơ hội cần được tạo ra cho bên tham gia tố tụng để phản hồi một vấn đề phụ thuộc vào việc vấn đề đó là câu hỏi về thực tế, câu hỏi pháp lý, hay câu hỏi pha trộn giữa thực tế và pháp lý (tại đoạn [52]):

Mức độ cơ hội cần thiết phụ thuộc vào bản chất của vấn đề. Nếu đó là vấn

đề pháp lý, thì chỉ cần đủ thời gian để trình bày lập luận pháp lý. Nhưng nếu là vấn đề thực tế hoặc câu hỏi pha trộn giữa thực tế và pháp lý, thì bên liên quan ngoài việc trình bày về pháp luật còn cần có cơ hội chất vấn các chứng cứ được đưa ra hỗ trợ cho vấn đề đó cũng như có cơ hội đưa ra các chứng cứ phản bác phù hợp. Để làm được điều này, cần có sự rõ ràng và chính xác về vấn đề đang được đặt ra và các chứng cứ sẽ được dùng để hỗ trợ.

Chuỗi lập luận của Hội đồng Trọng tài không có mối liên hệ hợp lý với các lập luận của các bên

40 Khiếu nại chính của PVN là Hội đồng Trọng tài đã vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng vì thiếu sự liên kết giữa các lập luận và chứng cứ do các bên đưa ra trong trọng tài với chuỗi lập luận của Hội đồng tại đoạn 548.⁵⁴ Do đó, chuỗi lập luận của Hội đồng không phải là kết quả có thể dự đoán một cách hợp lý. Nếu Hội đồng có dự tính đến kết luận này, thì lẽ ra phải thông báo cho các bên được biết.

41 Chúng tôi đồng ý. Theo phán đoán của chúng tôi, một bên ở vị trí của PVN không thể hợp lý dự đoán được kết luận của Hội đồng tại đoạn 548 của Phán quyết Cuối cùng. Kết luận của Hội đồng tại đoạn 548 không được đề cập trong các luận cứ của các bên cũng như trong chứng cứ chuyên gia. Hơn nữa, kết luận này còn trái với tình tiết thực tế mà PM đã trình bày trong trọng tài. Để làm rõ kết luận của chúng tôi, dưới đây là các lập luận và chứng cứ chủ yếu đã được trình bày trong trọng tài.

Các đơn tố tụng và chứng cứ chuyên gia

42 Bắt đầu từ các đơn tố tụng (như Thảm phán đã ghi nhận tại [20] của GD).⁵⁵

(a) Thứ nhất, ngày 26 tháng 7 năm 2021, PM đã nộp Bản Yêu cầu

⁵⁴ Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 49/2024 tại trang 12, Mục đầu đề (II)(A)

⁵⁵ Đối với phần tóm tắt của Hội đồng Trọng tài về việc nộp các bản luận cứ, xem Phán quyết Cuối cùng tại các đoạn 91–113; Tài liệu Chung Phần D, trang 33–37. Tuy nhiên, các ngày được trích dẫn trong Phán quyết Cuối cùng khác một ngày so với các ngày ghi trên các bản luận cứ tương ứng.

Trọng tài và PVN nộp Bản Phản tố.

(b) Thứ hai, ngày 22 tháng 7 năm 2022, các bên đã nộp Bản Bào chữa tương ứng của mình.

(c) Thứ ba, trong khoảng thời gian từ 21 đến 22 tháng 11 năm 2022, các bên đã nộp Bản Phản hồi đối với Bản Bào chữa.

43 Trong Bản Yêu cầu Trọng tài, quan điểm chính của PM trong trọng tài là việc ban hành Thông báo Đầu tiên đã khiến Hợp đồng EPC bị coi như chấm dứt vào ngày 18 tháng 2 năm 2019 theo điều khoản 19.6 của Điều kiện Hợp đồng, với lý do bất khả kháng.⁵⁶ Bản Yêu cầu Trọng tài của PM cũng trình bày phương án thay thế, theo đó việc ban hành Thông báo Thứ hai đã khiến Hợp đồng EPC bị coi như chấm dứt vào ngày 22 tháng 2 năm 2019 theo điều khoản 16.2 của Điều kiện Hợp đồng, với lý do không thanh toán.⁵⁷

44 Tuy nhiên, Bản Yêu cầu Trọng tài của PM không đề cập một cách rõ ràng đến sự tương tác giữa Thông báo Đầu tiên và Thông báo Thứ hai. Chỉ trong Bản Bào chữa đối với Bản Phản tố của PVN, PM mới đưa ra các đoạn sau đây:⁵⁸

i) Thông báo Chấm dứt Thứ hai vẫn có hiệu lực ngay cả khi Thông báo Chấm dứt Đầu tiên được xem là không có hiệu lực

474 Nếu Hội đồng Trọng tài cho rằng Nguyên đơn không được quyền dựa vào Thông báo Chấm dứt Đầu tiên, thì Hội đồng nên quyết định rằng Hợp đồng EPC bị chấm dứt bởi Thông báo Chấm dứt Thứ hai.

...

480 Thứ ba, [chuyên gia của PM, ông Chung] lưu ý rằng trong trường hợp có hai thông báo chấm dứt được nộp liên tiếp, cần phải xem xét liệu thông báo sau có sửa đổi hoặc rút lại thông báo trước đó hay không.

481 Cả Thông báo Chấm dứt Đầu tiên và Thứ hai đều có điều khoản loại trừ trách nhiệm rộng, bảo lưu tất cả các quyền của Nguyên đơn: ...

⁵⁶ Xem các đoạn 186–187 trong Bản Tuyên bố Khiếu nại của PM; Tài liệu Chung Phần E, trang 115.

⁵⁷ Xem các đoạn 207–208 trong Bản Tuyên bố Khiếu nại của PM; Tài liệu Chung Phần E, trang 120–121.

⁵⁸ Tài liệu Chung Phần G, trang 121–122.

482 Vì [PM] đã bảo lưu rõ ràng tất cả các quyền của mình, gần như không thể suy ra rằng Thông báo Chấm dứt Thứ hai nhằm rút lại Thông báo Chấm dứt Đầu tiên.

483 Theo ý kiến của [ông Chung], Hợp đồng EPC nên được chấm dứt vào ngày sớm hơn theo thông báo chấm dứt có hiệu lực ...

[nhấn mạnh thêm]

Sau đó, trong Bản Phản hồi đối với Bản Bào chữa của PVN, PM về cơ bản đã lặp lại các đoạn 480–482 trong Bản Bào chữa của mình.⁵⁹

45 Mặc dù các đoạn 480–483 trong Bản Bào chữa của PM nằm trong phần liên quan đến tính hợp lệ của Thông báo Thứ hai (vốn là phương án thay thế của PM), nội dung thực chất của các đoạn này lại tập trung vào việc làm rõ hiệu lực và tính hợp pháp của Thông báo Đầu tiên (đây là quan điểm chính của PM). Các lập luận trong các đoạn 480–483 phản ánh một trong những trụ cột của quan điểm chính của PM, đó là nếu cả Thông báo Đầu tiên và Thông báo Thứ hai đều hợp pháp, thì Thông báo Thứ hai không nhằm rút lại Thông báo Đầu tiên và Hợp đồng EPC sẽ bị chấm dứt vào ngày chấm dứt sớm hơn trong hai thông báo.

46 Để hỗ trợ cho lập luận này, PM đã dựa vào chứng cứ chuyên gia của chuyên gia luật Việt Nam, ông Chung, trong báo cáo chuyên gia ngày 15 tháng 7 năm 2022, được nộp cùng với Bản Bào chữa của PM vào ngày 22 tháng 7 năm 2022.⁶⁰ Ảnh hưởng của chứng cứ ông Chung có thể thấy rõ qua các tham chiếu trong các đoạn 480 và 483 của Bản Bào chữa PM, cũng như các đoạn khác. Chứng cứ chuyên gia của ông Chung đã làm rõ, trong số các vấn đề và câu hỏi khác, các vấn đề sau đây:⁶¹

[Vấn đề 4] Hiệu lực pháp lý của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật

Câu hỏi 4: Theo luật Việt Nam, khi một bên đơn phương quyết định chấm dứt hợp đồng một cách trái pháp luật và ngừng thực hiện nghĩa vụ của

⁵⁹ Tài liệu Chung Phần G, trang 224.

⁶⁰ Xem các đoạn 98 và 99(f) của Phán quyết Cuối cùng; Tài liệu Chung Phần D, trang 34–35.

⁶¹ Xem Câu hỏi 4 tại Tài liệu Chung Phần I, trang 263 và Câu hỏi 5 tại Tài liệu Chung Phần I, trang 268.

mình, hợp đồng có được coi là chấm dứt hay không? Nếu có, hợp đồng được coi là chấm dứt khi nào và hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng là gì?

...

[Vấn đề 5] Hiệu lực pháp lý của hai thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng

Câu hỏi 5: Nếu câu trả lời cho câu hỏi 4 là có, thì nếu một bên đã gửi thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng dựa trên một lý do nhất định, và sau đó gửi hoặc được cho là gửi thêm một thông báo chấm dứt hợp đồng dựa trên lý do khác, thì hiệu lực của thông báo thứ hai là gì và hợp đồng được coi là chấm dứt về mặt pháp lý vào thời điểm nào?

47 Trong phần trả lời Câu hỏi 5, ông Chung giải thích rằng nếu cả hai thông báo đều “hợp pháp”, thì thông báo áp dụng sẽ là thông báo quy định ngày chấm dứt sớm hơn.⁶²

180 Tôi không biết có quy định pháp luật hay án lệ nào của các tòa án Việt Nam đề cập đến trường hợp có nhiều hơn một thông báo chấm dứt tồn tại, và mỗi thông báo quy định một ngày chấm dứt khác nhau. Trong trường hợp không có án lệ như vậy, theo quan điểm của tôi, việc áp dụng quan điểm cho rằng hợp đồng sẽ bị chấm dứt vào ngày nào là ngày chấm dứt sớm hơn là hợp lý. Nói cách khác, thông báo nào quy định ngày chấm dứt sớm hơn sẽ được áp dụng. Điều này là do, khi cả hai thông báo đều tồn tại một cách hợp pháp, mỗi thông báo đều có thể là cơ sở để chấm dứt hợp đồng như đã phân tích tại đoạn 1 ở trên. Vào ngày chấm dứt sớm hơn đó, hợp đồng sẽ bị chấm dứt, và ngày chấm dứt muộn hơn quy định trong thông báo còn lại sẽ không còn giá trị.

181 Tóm lại, theo quan điểm của tôi, việc đơn phương chấm dứt hợp đồng sai trái sẽ không tự động dẫn đến việc hợp đồng bị chấm dứt. Trong trường hợp có hai thông báo chấm dứt hợp đồng hợp pháp, và với giả định rằng thông báo thứ hai không sửa đổi hoặc rút lại thông báo thứ nhất, thì thông báo nào quy định ngày chấm dứt sớm hơn sẽ được áp dụng. Nói cách khác, hợp đồng sẽ bị chấm dứt vào ngày nào là ngày chấm dứt sớm hơn.

[nhấn mạnh thêm]

48 Ngược lại, nếu Thông báo Đầu tiên được xác định là không có cơ sở pháp lý, ông Chung cho rằng việc ban hành sai trái Thông báo Đầu tiên sẽ không tự thân dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng EPC.⁶³ [63] Mặc dù hành vi ban hành sai trái đó có thể cấu thành hành vi vi phạm hợp đồng, thì quyền

⁶² Tài liệu Chung Phần I, trang 270–271.

⁶³ Đoạn 152 trong báo cáo chuyên gia của ông Chung; Tài liệu Chung Phần I, trang 266.

chấm dứt Hợp đồng EPC sẽ thuộc về bên bị vi phạm (tức là PVN), và chính PVN phải là bên thực hiện quyền đó.⁶⁴ Nếu PVN không có hành động lựa chọn như vậy, kết quả là Hợp đồng EPC sẽ vẫn còn hiệu lực và chỉ bị chấm dứt vào ngày được quy định trong Thông báo Thứ hai (được xem là hợp pháp một cách mặc định).

⁴⁹ Quan điểm của ông Chung đối lập với lập trường và chứng cứ chuyên gia của PVN, và dường như cũng trái ngược với kết luận của Hội đồng Trọng tài tại đoạn 543 của Phán quyết Cuối cùng (xem đoạn [11(b)] ở trên). Trong Bản Phản tố, PVN đã bác bỏ phương án thay thế của PM (liên quan đến tính hợp lệ của Thông báo Thứ hai) bằng cách đưa ra các lập luận sau đây:⁶⁵

- (a) Do PM đã ban hành hai thông báo chấm dứt, Hợp đồng EPC sẽ bị chấm dứt vào ngày mà Thông báo Đầu tiên có hiệu lực.
- (b) Sau khi Thông báo Đầu tiên có hiệu lực, Hợp đồng EPC sẽ bị chấm dứt đơn phương và Thông báo Thứ hai sẽ không còn giá trị hay hiệu lực.
- (c) PM không thể thu hồi quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng EPC bằng cách ban hành Thông báo Thứ hai.

50 Để hỗ trợ cho lập luận cuối cùng của mình, PVN đã nêu như sau:

... theo ý kiến của ông Lượng, các bên không có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với nhau kể từ thời điểm hợp đồng bị chấm dứt. Do đó, [PM] không thể thu hồi quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng EPC của mình bằng cách ban hành một thông báo chấm dứt khác, quy định một ngày chấm dứt và căn cứ pháp lý khác.

[nhấn mạnh thêm]

51 Trong đoạn trích dẫn nêu trên, PVN đã lập luận rằng, theo luật Việt Nam, việc ban hành Thông báo Thứ hai không thể có hiệu lực thu hồi tính hợp

⁶⁴ Đoạn 154 trong báo cáo chuyên gia của ông Chung; Tài liệu Chung Phần I, trang 267.

⁶⁵ Xem Bản Phản Tố của PVN tại các đoạn 388–390; Tài liệu Chung Phần F, trang 104–105.

lệ của Thông báo Đầu tiên. PVN cũng dựa vào chứng cứ chuyên gia của Ông Lượng, với báo cáo chuyên gia đề ngày 26 tháng 7 năm 2021,⁶⁶ được nộp cùng ngày với Bản Phản tố của PVN.⁶⁷ Quan điểm này sau đó được củng cố bởi chuyên gia pháp lý Việt Nam thứ hai của PVN là Giáo sư Dũng, người đã phát biểu như sau trong Báo cáo chuyên gia chung của các bên đề ngày 7 tháng 10 năm 2022 (gọi là “Báo cáo Chuyên gia Chung”):

119 Giáo sư Dũng đồng ý với quan điểm của Ông Lượng rằng, trong trường hợp một bên đã gửi thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng với một căn cứ nhất định, và sau đó tiếp tục gửi hoặc có ý định gửi một thông báo chấm dứt hợp đồng khác dựa trên căn cứ khác, thì ngày chấm dứt hợp đồng sẽ là ngày được ghi trong thông báo đầu tiên...

120 Khi một bên gửi cho bên còn lại thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng, thì đó là ý chí đơn phương của bên yêu cầu chấm dứt. Do đó, bên gửi thông báo là bên xác định việc chấm dứt hợp đồng. Việc chấm dứt sẽ phụ thuộc vào nội dung và điều kiện quy định trong thông báo. Nếu bên chấm dứt sau đó gửi một thông báo chấm dứt khác dựa trên căn cứ khác, thì thông báo sau sẽ không vô hiệu hóa hoặc làm thay đổi hiệu lực của thông báo đầu tiên.

52 Từ các lập luận trên, chúng tôi tóm lược ngắn gọn quan điểm của các bên như sau:

(a) Quan điểm chính của PM dựa trên tính hợp lệ của Thông báo Đầu tiên. Trên thực tế, PM khẳng định rõ ràng khi ban hành Thông báo Thứ hai, họ không có ý định rút lại Thông báo Đầu tiên.

(b) Quan điểm thay thế của PM dựa trên tính hợp lệ của Thông báo Thứ hai. Theo luật Việt Nam, PM lập luận rằng nếu Thông báo Đầu tiên được ban hành một cách trái pháp luật thì bản thân nó sẽ không làm chấm dứt Hợp đồng EPC vào ngày chấm dứt ghi trong đó (18 tháng 2 năm 2019). Trừ khi PVN có hành động cụ thể để chấm dứt Hợp đồng EPC vào ngày đó, thì Thông báo Đầu tiên sẽ không có hiệu lực pháp lý và không có giá trị. Trong trường hợp đó, Thông báo Thứ

⁶⁶ Tài liệu Chung Phần J, trang 38.

⁶⁷ Xem các đoạn 92 và 94 trong Phán Quyết Cuối cùng mô tả quá trình tố tụng; Tài liệu Chung Phần D, trang 33–34.

hai sẽ có hiệu lực chấm dứt Hợp đồng EPC vào ngày 22 tháng 2 năm 2019.

(c) Quan điểm của PVN phản đối tính hợp lệ của Thông báo Thứ hai là: theo luật Việt Nam, ngay cả khi Thông báo Đầu tiên được ban hành trái pháp luật, thì nó vẫn làm chấm dứt Hợp đồng EPC vào ngày quy định, nhưng đó là một hành vi chấm dứt sai trái do phía PM thực hiện. Sau đó, Thông báo Thứ hai sẽ không còn hiệu lực pháp lý. Việc ban hành Thông báo Thứ hai không thể thu hồi, vô hiệu hóa hoặc làm thay đổi Thông báo Đầu tiên.

53 Để đầy đủ, chúng tôi đề cập ngắn gọn đến danh sách các vấn đề tranh chấp và các bản đệ trình sau đó của các bên. Những tài liệu này chỉ củng cố và không làm thay đổi lập trường của các bên như đã mô tả ở trên. Ví dụ, mặc dù các bên không thể thống nhất một danh sách chung các vấn đề tranh chấp,⁶⁸ nhưng trong danh sách vấn đề riêng của mỗi bên đều bao gồm: “[liệu PM] có quyền chấm dứt Hợp đồng EPC do không được thanh toán hay không” và “[liệu Hợp đồng EPC đã được chấm dứt một cách hợp pháp hay chưa, và nếu có, thì vào thời điểm nào”.⁶⁹ Do đó, chúng tôi không đi sâu vào chi tiết của các tài liệu này.

Mức độ sai lệch giữa chuỗi lập luận của Hội đồng Trọng tài và lập trường của các bên

54 Sau khi đã trình bày lập trường của các bên, khi xem xét đoạn 548 của Phán quyết Cuối cùng, có thể thấy rằng Hội đồng Trọng tài đã áp dụng một chuỗi lập luận không có mối liên hệ đầy đủ với lập trường của các bên. Tại đoạn 548, Hội đồng cho rằng việc ban hành Thông báo Thứ hai bao hàm một cách ngầm định rằng Thông báo Thứ hai đã thay thế và làm mất hiệu lực

⁶⁸ Như đã nêu tại đoạn 123 của Phán Quyết Cuối cùng; Tài liệu Chung Phần D trang 38.

⁶⁹ Xem Danh sách Vấn đề của PM tại đoạn 7; Tài liệu Chung Phần S trang 60, và Danh sách Vấn đề của PVN tại đoạn 7; Tài liệu Chung Phần S trang 62.

Thông báo Đầu tiên, và rằng PM được xem là đã có ý định như vậy. Kết luận đó bao gồm hai nhận định tách biệt, một về pháp luật và một về thực tế.⁷⁰

(a) Thứ nhất, theo pháp luật Việt Nam, một Thông báo Thứ hai được ban hành trong khi hợp đồng vẫn đang có hiệu lực có thể thay thế và làm mất hiệu lực Thông báo Đầu tiên vốn không hợp pháp và không có giá trị pháp lý.

(b) Thứ hai, về mặt thực tế, PM được xem là đã có ý định để Thông báo Thứ hai thay thế hoặc bổ sung cho Thông báo Đầu tiên khi họ ban hành Thông báo Thứ hai trước thời điểm Thông báo Đầu tiên có hiệu lực.

Theo đánh giá của chúng tôi, PVN không thể lường trước được và vì thế cũng không có cơ hội hợp lý nào để phản hồi hai vấn đề trên.

55 Chúng tôi bắt đầu với vấn đề pháp lý. Không bên nào lập luận rằng Thông báo Thứ hai có thể thay thế, làm mất hiệu lực hoặc sửa đổi Thông báo Đầu tiên đã được ban hành sai trái. Trái lại, lập luận của PVN nhằm bác bỏ tính hợp lệ của Thông báo Thứ hai đã trực tiếp phản đối quan điểm pháp lý này. Hơn nữa, lập luận của PM liên quan đến Thông báo Thứ hai cũng không đề cập đến vấn đề này, vì họ dựa trên một hướng lý luận pháp lý hoàn toàn khác – cụ thể, rằng một Thông báo Đầu tiên được ban hành trái pháp luật thì tự bản thân nó không thể làm chấm dứt hợp đồng tại thời điểm đã nêu trong thông báo, và sẽ không có giá trị pháp lý gì cả.

56 Thật vậy, Hội đồng Trọng tài đã thừa nhận một phần điều này trong đoạn 549 của Phán quyết Cuối cùng, khi ghi nhận rằng các chuyên gia pháp luật Việt Nam “không trực tiếp đề cập đến tình huống hiện tại, liên quan đến một thông báo chấm dứt hợp đồng không hợp pháp và một thông báo hợp

⁷⁰ Xem đoạn 548 tại Tài liệu Chung Phần D trang 122.

pháp được ban hành sau đó”.⁷¹ Trong bối cảnh như vậy, một bên hợp lý ở vị trí của PVN sẽ không thể dự liệu được khả năng Hội đồng Trọng tài sẽ đưa ra một kết luận về pháp luật Việt Nam như họ đã làm. Thực tế còn đi xa hơn ở chỗ các chuyên gia pháp luật của PVN, ít nhất là ở một mức độ nào đó, đã lập luận ngược lại – cụ thể rằng Thông báo Đầu tiên, dù hợp pháp hay không, vẫn sẽ có hiệu lực làm chấm dứt Hợp đồng EPC theo ý chí đơn phương của PM, và Thông báo Thứ hai không thể thay đổi điều này.

⁵⁷ Chúng tôi cũng bác bỏ lập luận của PM rằng PVN đã được trao cơ hội đầy đủ để phản hồi các vấn đề nêu trên, với lý do rằng các chuyên gia của các bên đã được tạo điều kiện để đưa ra ý kiến của họ về câu hỏi liên quan đến tác động của một thông báo chấm dứt đơn phương được ban hành sau đối với một thông báo trước đó, trong trường hợp cả hai thông báo đều dựa trên các căn cứ khác nhau.⁷² Như đã nêu trước đó, đây dường như là trọng tâm của câu hỏi số 5 được ông Chung phân tích trong báo cáo chuyên gia của mình (xem đoạn [46] ở trên), cũng như của Lord Luong trong báo cáo chuyên gia của ông,⁷³ và của Giáo sư Dzong trong Báo cáo Chuyên gia Chung.⁷⁴

⁵⁸ Vấn đề với lập luận của PM nằm ở chỗ, chính Hội đồng Trọng tài đã thừa nhận rằng các chuyên gia không trực tiếp phân tích tình huống trong đó thông báo đầu tiên bị xác định là được ban hành sai trái. Ví dụ, trong Báo cáo Chuyên gia Chung, cả ông Chung và Giáo sư Dzong đều đưa ra phản hồi của họ trong bối cảnh giả định rằng có hai thông báo chấm dứt đều hợp pháp và có hiệu lực.⁷⁵ Hơn nữa, cũng không thể nói một cách công bằng rằng các chuyên gia đã hiểu rõ điều mà Hội đồng Trọng tài đang xem xét nhưng lại cố ý không đề cập đến. Điều này là do cách diễn đạt câu hỏi liên quan có phần mơ hồ. Để thuận tiện tham khảo, chúng tôi dẫn lại các câu hỏi có liên quan mà các

⁷¹ Xem Tài liệu Chung Phần D trang 122.

⁷² Xem Bản Lập Luận Bằng Văn Bản của PM cho CA/CA 49 tại đoạn 28.

⁷³ Xem Tài liệu Chung Phần J trang 26.

⁷⁴ Xem Tài liệu Chung Phần J trang 160.

⁷⁵ Xem các đoạn 117 và 118 của Báo cáo Chuyên gia Chung; Tài liệu Chung Phần J trang 161.

chuyên gia được yêu cầu phân tích, như đã nêu trong Báo cáo Chuyên gia Chung.⁷⁶

Vấn đề 5: Hiệu lực pháp lý của việc chấm dứt đơn phương hợp đồng một cách sai trái

Câu hỏi 5: Theo pháp luật Việt Nam, khi một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng sai trái và ngừng thực hiện nghĩa vụ của mình, hợp đồng có được coi là đã chấm dứt hay không? Nếu có, thì hợp đồng chấm dứt vào thời điểm nào và hậu quả pháp lý của việc chấm dứt đó là gì?

Vấn đề 6: Hiệu lực pháp lý của hai thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng

Câu hỏi 6: Nếu câu trả lời cho Câu hỏi 5 là có, trong trường hợp một bên đã đưa ra thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng dựa trên một căn cứ nhất định, và sau đó tiếp tục hoặc có ý định đưa ra một thông báo chấm dứt khác dựa trên căn cứ khác, thì (nếu có) hiệu lực của thông báo thứ hai là gì và theo pháp luật, hợp đồng được coi là chấm dứt vào thời điểm nào?

59 Vấn đề đặt ra với Câu hỏi 6 (tương ứng với Câu hỏi 5 trong báo cáo chuyên gia của ông Chung; xem đoạn [46] ở trên) là câu hỏi này không nêu rõ rằng phần phản hồi của các chuyên gia cần phải phân tích mối quan hệ giữa hai thông báo trên giả định rằng thông báo chấm dứt ban đầu được ban hành một cách sai trái. Mặc dù phần mở đầu của Câu hỏi 6 có viện dẫn đến Câu hỏi 5 (tức là Câu hỏi 4 trong báo cáo của ông Chung), vấn đề cập đến hiệu lực pháp lý của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng sai trái, nhưng Câu hỏi 6 lại không yêu cầu các chuyên gia đưa ra câu trả lời dựa trên giả định đó. Sự mơ hồ trong cách đặt câu hỏi này, theo chúng tôi, là lời giải thích hợp lý nhất cho việc các chuyên gia chỉ đưa ra câu trả lời dựa trên cơ sở cả hai thông báo đều hợp pháp.

60 Sau khi phân tích, xét thấy:

- (a) Đây là một vấn đề quan trọng chịu sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam;

⁷⁶ Các câu hỏi được trích lại có thể tìm thấy trong Báo cáo Chuyên gia Chung và Prof Dzung, Tài liệu Chung Phần J trang 133.

(b) Không chuyên gia nào của cả hai bên trực tiếp phân tích vấn đề này;

(c) Cả hai bên đều đưa ra lập luận khác với kết luận của Hội đồng Trọng tài; và

(d) Ít nhất một bên đã thể hiện rõ quan điểm pháp lý theo luật Việt Nam đi ngược lại với kết luận của Hội đồng Trọng tài,

chúng tôi cho rằng lập luận và kết luận của Hội đồng Trọng tài không có mối liên hệ hợp lý với các lập luận được trình bày. Cũng cần lưu ý rằng quyết định của Hội đồng Trọng tài tại đoạn 548 không hề đề cập đến lập luận của PVN về quan điểm pháp lý theo luật Việt Nam (như đã trình bày tại các đoạn [49]–[51] ở trên).

61 Chúng tôi tiếp tục xem xét vấn đề liên quan đến yếu tố thực tế. Cách tiếp cận của Hội đồng Trọng tài về vấn đề này, xin được nói thẳng, là còn gây quan ngại hơn nữa. Như chúng tôi đã nêu trong vụ Phoenixfin, PVN cần phải có cơ hội “chất vấn các bằng chứng được đưa ra nhằm chứng minh cho vấn đề, cũng như có cơ hội để trình bày các bằng chứng phản bác phù hợp” (Phoenixfin, đoạn [52]). Tuy nhiên, PM đã không cung cấp bất kỳ bằng chứng nào cho thấy họ có ý định thay thế hoặc bổ sung Thông báo Chấm dứt thứ nhất. Ngược lại, họ đã khẳng định rõ trong phần biện hộ rằng việc ban hành Thông báo thứ hai không nhằm mục đích hủy bỏ Thông báo thứ nhất (xem đoạn [44] ở trên). Điều này hoàn toàn hợp lý, vì lập luận chính của PM dựa trên giả định rằng Thông báo thứ nhất có hiệu lực hợp pháp và đã chấm dứt Hợp đồng EPC vào ngày 18 tháng 2 năm 2019, theo Điều 19.6 của các Điều kiện hợp đồng, dựa trên sự kiện bất khả kháng. Thực tế, toàn bộ quá trình trọng tài đã được tiến hành trên cơ sở này.

62 Hơn nữa, PVN thậm chí không đề cập đến vấn đề thực tế này, bởi lẽ không bên nào tiếp cận tranh chấp dựa trên giả định rằng PM có ý định thay

thể hoặc làm vô hiệu Thông báo thứ nhất thông qua việc ban hành Thông báo thứ hai. Lập luận của PVN phản đối Thông báo thứ hai hoàn toàn dựa trên pháp luật Việt Nam (xem các đoạn [49]–[51] ở trên), và như đã nêu, lập trường của PVN là PM không thể thay thế hoặc làm vô hiệu Thông báo thứ nhất.

63 Từ những điểm đã nêu tại các đoạn [61]–[62] ở trên có thể thấy rằng, vấn đề này không chỉ không được xem xét dưới góc độ thực tế, mà kết luận của Hội đồng Trọng tài tại đoạn 548 liên quan đến ý định của PM khi ban hành Thông báo thứ hai còn trái ngược với thực tế đã được trình bày. PM chưa bao giờ lập luận rằng họ có ý định thay thế Thông báo thứ nhất; trên thực tế, lập luận của PM là hoàn toàn ngược lại. Trong hoàn cảnh như vậy, khó có thể nói rằng PVN đã có cơ hội để trình bày ý kiến về việc liệu PM có ý định thay thế hoặc bổ sung Thông báo thứ nhất thông qua Thông báo thứ hai hay không.

64 Tổng hợp lại, các kết luận về cả mặt thực tế lẫn pháp lý trong đoạn 548 là những điều mà các bên không thể lường trước một cách hợp lý. Những lập luận này không được bất kỳ bên nào nêu ra hoặc trực tiếp đề cập tới; và, ở khía cạnh thực tế, chúng đi ngược lại với lập trường của chính PM.

65 Hệ quả của điều này cần được đánh giá trong bối cảnh kết luận của Hội đồng Trọng tài tại đoạn 548 là một quyết định then chốt, có tính chất quyết định đối với kết quả của toàn bộ vụ trọng tài. Trước đoạn 548, Hội đồng Trọng tài đã xác định rằng Thông báo thứ nhất là không có cơ sở và vô hiệu (xem đoạn [11(a)] ở trên). Và, theo pháp luật Việt Nam, Hội đồng Trọng tài cũng cho rằng Thông báo thứ nhất – dù vô hiệu – vẫn đủ để chấm dứt Hợp đồng EPC (xem đoạn [11(b)] ở trên). Nếu Hội đồng Trọng tài kết luận dựa trên lập luận đó rằng Thông báo thứ nhất dù vô hiệu vẫn dẫn đến việc hợp đồng bị chấm dứt, điều này có thể đồng nghĩa với việc PM đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng EPC một cách sai trái – điều mà chúng tôi cho rằng sẽ có ảnh hưởng lớn đến việc xác định trách nhiệm và mức bồi thường thiệt hại phải

trả. Do đó, câu hỏi liệu Thông báo thứ hai có thể thay thế, làm vô hiệu, hoặc bổ sung cho Thông báo thứ nhất – hoặc khiến nó trở nên vô hiệu về mặt pháp lý – là một vấn đề trọng tâm trong vụ trọng tài. Việc Hội đồng Trọng tài không tạo điều kiện để các bên có cơ hội đầy đủ để trình bày về chuỗi lập luận mà mình dự kiến áp dụng là một thiếu sót nghiêm trọng không thể xem nhẹ.

66 Ông Kronenburg lập luận rằng, ngay cả khi có vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng, thì PVN cũng không bị thiệt hại gì vì điều đó. Theo ông Kronenburg, ngay cả khi PVN được trao cơ hội trình bày trước Hội đồng Trọng tài về vấn đề này, PVN vẫn sẽ giữ nguyên lập trường rằng Thông báo thứ hai không có giá trị pháp lý để rút lại hoặc thay đổi Thông báo thứ nhất, và do đó Thông báo thứ hai sẽ không có hiệu lực một khi Thông báo thứ nhất đã chấm dứt Hợp đồng EPC.

67 Chúng tôi không chấp nhận lập luận này. Một nguyên tắc đã được xác lập rõ ràng là việc vi phạm nguyên tắc công bằng tự nhiên chỉ dẫn đến biện pháp khắc phục nếu có thiệt hại phát sinh từ vi phạm đó (Soh Beng Tee tại [91]). Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là toà án phải tin chắc rằng nếu không có vi phạm thì hội đồng trọng tài sẽ đưa ra một kết quả khác. Như chúng tôi đã nêu trong vụ L W Infrastructure Pte Ltd kiện Lim Chin San Contractors Pte Ltd và kháng cáo khác [2013] 1 SLR 125 tại [54], vấn đề cần xem xét là liệu vi phạm đó có khiến hội đồng trọng tài “không được tiếp cận các lập luận hoặc chứng cứ có khả năng thực tế (chứ không phải chỉ là giả định viễn vông) làm thay đổi quá trình cân nhắc của họ hay không”. Yếu tố thiệt hại được xem là tồn tại nếu “nội dung có thể một cách hợp lý tạo ra sự khác biệt đối với trọng tài viên”, chứ không nhất thiết là nó phải tạo ra sự khác biệt.

68 Áp dụng các nguyên tắc này, việc hội đồng trọng tài không thông báo cho các bên về chuỗi lập luận mà họ dự định sử dụng đã gây thiệt hại cho

PVN. Nếu PVN được thông báo, thì việc PVN đưa ra chứng cứ chuyên gia về tình huống cụ thể mà hội đồng trọng tài xem xét là điều hoàn toàn hợp lý, cũng như có thể trình bày lập luận về sự không tương thích giữa quan điểm của hội đồng trọng tài về tình huống thực tế liên quan đến ý định giả định của PM khi ban hành Thông báo thứ hai, với toàn bộ quá trình tố tụng trọng tài vốn được xây dựng trên cơ sở thực tế ngược lại. Ngoài ra, không ai trong suốt quá trình tố tụng đã nêu lên tình huống thực tế mà hội đồng trọng tài đã chấp nhận. Cũng có khả năng PVN sẽ chỉ ra chính lời xác nhận của PM rằng việc ban hành Thông báo thứ hai không nhằm mục đích rút lại Thông báo thứ nhất. Chúng tôi không thấy rõ cơ sở nào để cho rằng tất cả những điều này sẽ không có khả năng hợp lý làm thay đổi quan điểm của hội đồng trọng tài.

69 Vì vậy, chúng tôi nhất trí với nhận định của Thẩm phán rằng nguyên tắc xét xử công bằng đã bị vi phạm.

Liệu hội đồng trọng tài có vượt quá thẩm quyền của mình hay không

70 Sau khi xác định rằng đã có vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng, chúng tôi chuyển sang xem xét liệu nhận định của hội đồng trọng tài tại đoạn 548 có vượt quá thẩm quyền của họ, hoặc có phải là một quyết định về vấn đề nằm ngoài phạm vi thỏa thuận trọng tài theo Điều 34(2)(a)(iii) của Luật Mẫu hay không. Trước hết, chúng tôi ghi nhận rằng, xét đến quan điểm mà chúng tôi đã đưa ra đối với vấn đề này, việc đưa ra kết luận về câu hỏi nói trên là không thật sự cần thiết. Tuy vậy, chúng tôi vẫn nêu lên quan điểm của mình về vấn đề này. Sẽ rõ ràng rằng một số nội dung dưới đây nên được xem là nhận định có tính chất tạm thời (xem các đoạn [86]–[90] dưới đây).

71 Điều 34(2)(a)(iii) của Luật Mẫu thể hiện nguyên tắc rằng một hội đồng trọng tài không có thẩm quyền giải quyết bất kỳ vấn đề nào chưa được các bên đưa ra để phân xử (PT Prima International Development kiện Kempinski Hotels SA và các kháng cáo khác [2012] 4 SLR 98 tại [31]). Tính tự nguyện

của trọng tài với tư cách là một phương thức giải quyết tranh chấp đồng nghĩa với việc hội đồng trọng tài chỉ có thẩm quyền dựa trên sự đồng thuận của các bên, và chỉ có quyền ra quyết định ràng buộc các bên đối với những vấn đề mà họ đã đồng ý đưa ra trọng tài để phân xử (Bloomberry Resorts and Hotels Inc và một bên khác kiện Global Gaming Philippines LLC và một bên khác [2021] 2 SLR 1279 (“Bloomberry”) tại [68]; Swire Shipping Pte Ltd kiện Ace Exim Pte Ltd [2024] 5 SLR 706 (“Swire Shipping”) tại [39]). Tuy nhiên, khi xác định phạm vi tranh chấp được đưa ra trọng tài, cần áp dụng cách tiếp cận thực tiễn dựa trên bản chất thực sự của tranh chấp (vụ CJA kiện CIZ tại [37], dẫn chiếu từ Bloomberry tại [68]).

72 Do đó, một phán quyết trọng tài có thể bị hủy bỏ nếu hội đồng trọng tài đã giải quyết sai các vấn đề không được đệ trình cho họ, hoặc bỏ sót không giải quyết những vấn đề đã được đệ trình (CRW Joint Operation kiện PT Perusahaan Gas Negara (Persero) TBK [2011] 4 SLR 305 (“CRW kiện Persero”) tại [31]). Tuy nhiên, tòa án cần thận trọng phân biệt giữa việc hội đồng trọng tài thực hiện sai một thẩm quyền mà họ vốn có (điều này chỉ cấu thành một sai lầm pháp lý), với việc hội đồng trọng tài cố ý thực hiện một thẩm quyền mà họ không hề có, trường hợp sau mới có thể dẫn đến việc hủy bỏ phán quyết trọng tài (CRW kiện Persero tại [33]).

73 Như đã được nêu trong vụ CJA kiện CIZ tại [38], tòa án áp dụng một quy trình xem xét gồm hai bước để đánh giá liệu một phán quyết trọng tài có nên bị hủy bỏ theo Điều 34(2)(a)(iii) của Luật Mẫu hay không:

(a) Thứ nhất, tòa án xác định những vấn đề nào nằm trong phạm vi tranh chấp đã được đệ trình cho hội đồng trọng tài;

(b) Thứ hai, tòa án đánh giá liệu phán quyết trọng tài có liên quan đến những vấn đề đó hay không, hay liệu phán quyết có bao gồm một tranh chấp nằm ngoài phạm vi thỏa thuận trọng tài và do đó không liên

74 Ở bước đầu tiên, tòa án xác định các vấn đề nằm trong phạm vi tranh chấp mà các bên đã đệ trình cho hội đồng trọng tài bằng cách tham chiếu đến năm nguồn thông tin điển hình: (a) các bản luận cứ (pleadings) của các bên; (b) danh sách vấn đề cần giải quyết (list(s) of issues); (c) phần trình bày mở đầu; (d) chứng cứ được đưa ra; và (e) phần kết luận của các bên trong quá trình trọng tài (CJA kiện CIZ tại [38], dẫn chiếu từ CDM kiện CDP [2021] 2 SLR 235 (“CDM kiện CDP”) tại [18]).

75 Tòa án không tiến hành xem xét quá khắt khe hoặc quá nghiêm ngặt khi cân nhắc phạm vi phù hợp của việc đưa ra tranh chấp ra trọng tài. Việc một hội đồng trọng tài quyết định một tranh chấp về một vấn đề mà một bên không xác định là trọng tâm của tranh chấp không phải là điều quan trọng miễn là vấn đề đó nằm trong phạm vi đưa ra tranh chấp (CDM kiện CDP tại [44]). Khi một vấn đề hoặc yêu cầu có thể được bao hàm trong một vấn đề chung hơn đã nằm trong phạm vi các bản bào chữa của các bên, việc quyết định vấn đề cụ thể đó có thể không phải là việc vượt quá thẩm quyền (AKN và người khác kiện ALC và những người khác cùng các kháng cáo khác [2015] 3 SLR 488 tại [74]). Nguyên tắc cơ bản là khi xem xét liệu thẩm quyền của hội đồng trọng tài có bị vượt quá hay không, tòa án phải nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện để xác định liệu các vấn đề đang xét có phải là các vấn đề còn tồn tại trong trọng tài hay không, căn cứ vào tổng thể những gì đã được trình bày trước hội đồng trọng tài (CJA kiện CIZ tại [37]–[38]).

76 Với sự tôn trọng, chúng tôi cho rằng Thẩm phán có thể đã sai khi cho rằng Phán quyết cuối cùng vi phạm Điều 34(2)(a)(iii) của Luật Mẫu vì Hội đồng trọng tài đã đi lệch khỏi các luận điểm của các bên trong kết luận tại đoạn 548 của Phán quyết cuối cùng. Bất chấp những nhận xét của chúng tôi liên quan đến việc Hội đồng trọng tài vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng, theo quan điểm của chúng tôi, vấn đề liệu Thông báo thứ hai có thay thế, ghi

đề, sửa đổi hoặc bổ sung cho Thông báo thứ nhất hay không có thể được coi là một vấn đề logic đặt trước tính hợp lệ của Thông báo thứ hai, và ít nhất về nguyên tắc, đây là một vấn đề nằm trong phạm vi đưa ra tranh chấp của các bên, mặc dù ngay cả trên cơ sở này, dựa trên các tình tiết và cách thức vụ việc đã diễn ra, Hội đồng trọng tài lẽ ra phải thông báo cho các bên về vấn đề cụ thể này, như đã lưu ý trong phần trước của bản án này. Chúng tôi sẽ trình bày chi tiết hơn.

Bản Luận cứ và Chứng cứ

77 Như đã nêu ở trên, các bản bào chữa và chứng cứ được đưa ra cho thấy rằng hiệu lực pháp lý của Thông báo thứ hai đối với Thông báo thứ nhất là một vấn đề đã được các bên nêu ra trong quá trình trọng tài, mặc dù vấn đề này không được thảo luận theo kịch bản mà Hội đồng Trọng tài đã đưa ra. PM cũng đã trình bày rằng, xét về mặt thực tế, họ không có ý định rút lại Thông báo thứ nhất thông qua việc ban hành Thông báo thứ hai.

78 Chúng tôi cũng lưu ý rằng báo cáo chuyên gia của ông Chung đã trực tiếp phân tích hiệu lực pháp lý của Thông báo thứ hai đối với Thông báo thứ nhất. Khi xem xét câu hỏi về hiệu lực pháp lý của hai thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng, ông Chung cũng đã đề cập đến một quan điểm cho rằng nguyên tắc tự do hợp đồng có thể dẫn tới kết luận rằng một thông báo chấm dứt có thể bị rút lại, thay thế hoặc sửa đổi trước ngày chấm dứt.⁷⁷

170 Dựa trên cơ sở rằng [hợp đồng sẽ bị chấm dứt vào ngày được nêu trong thông báo chấm dứt], tôi tiếp tục bàn luận bên dưới về câu hỏi liệu một thông báo chấm dứt có thể bị rút lại hoặc sửa đổi trước ngày chấm dứt như đã được nêu trong thông báo hay không?

171 Vì pháp luật hiện chưa có quy định rõ ràng về câu hỏi này, có thể tồn tại những quan điểm khác nhau.

172 Quan điểm thứ nhất là, dựa trên nguyên tắc tự do hợp đồng, có thể rút lại, thay thế hoặc sửa đổi một thông báo chấm dứt trước ngày chấm dứt. Tuy nhiên, nếu việc rút lại, thay thế hoặc sửa đổi đó gây ra tổn thất và thiệt hại cho bên còn lại – bên đã hành động dựa trên thông báo –

⁷⁷ AB Phần I trang 270 tại đoạn 172 và 177

thì bên chấm dứt phải chịu trách nhiệm bồi thường những tổn thất và thiệt hại đó. Một mặt, quan điểm này tôn trọng ý chí của cả hai bên trong trường hợp hợp đồng bị chấm dứt (nếu không, hợp đồng sẽ bị chấm dứt trái với ý chí của bên muốn rút lại, thay thế hoặc sửa đổi thông báo). Mặt khác, quan điểm này bảo vệ lợi ích của bên bị chấm dứt trong trường hợp họ bị thiệt hại khi dựa vào thông báo chấm dứt.

...

177 Nếu áp dụng quan điểm thứ nhất, tức là một thông báo chấm dứt có thể bị rút lại, thay thế hoặc sửa đổi, thì hiệu lực pháp lý của hai thông báo đó trước hết phụ thuộc vào tác động của Thông báo thứ hai đối với Thông báo thứ nhất, ***tức là liệu Thông báo thứ hai có ảnh hưởng – dù là rõ ràng hay ngụ ý – đến việc rút lại, thay thế hoặc sửa đổi Thông báo thứ nhất hay không. Cách diễn đạt trong Thông báo thứ hai và các bằng chứng khác như hành vi của bên chấm dứt hợp đồng có thể là những yếu tố liên quan để trả lời câu hỏi này.***

[nhấn mạnh bằng in đậm và nghiêng]

- 79 Ngoài ra, như đã nêu ở trên, cả hai bên đều đã đưa câu hỏi “[liệu PM có quyền chấm dứt Hợp đồng EPC do không thanh toán hay không]” và “[liệu Hợp đồng EPC đã được chấm dứt một cách hợp lệ hay chưa, và nếu có, thì vào ngày nào]” vào danh sách các vấn đề cần giải quyết của mỗi bên (xem [53] bên trên). Phán quyết cuối cùng dường như không đề cập đến một tranh chấp mới nằm ngoài phạm vi đã được đệ trình.

Phán quyết cuối cùng dường như không liên quan đến sự khác biệt mới nằm ngoài phạm vi của bản đệ trình

80 Khó khăn tiềm ẩn trong vụ việc hiện tại phát sinh từ thực tế rằng các bên không tranh luận về việc liệu Thông báo Thứ hai có hoặc đã rút lại hay sửa đổi Thông báo Thứ nhất hay không. Cả PM lẫn PVN đều không lập luận rằng Thông báo Thứ nhất đã bị Thông báo Thứ hai rút lại hoặc sửa đổi. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, điều này không nhất thiết mang tính quyết định đối với việc xác định một vấn đề có thuộc phạm vi thỏa thuận trọng tài hay không. Vượt thẩm quyền là vấn đề liên quan đến việc xác định liệu vấn đề mà Hội đồng Trọng tài đã giải quyết có nằm trong phạm vi tranh tụng mà các bên đã đệ trình ra trọng tài hay không. Điều này cần được phân biệt với câu hỏi liệu Hội đồng Trọng tài có tạo cơ hội công bằng cho các bên

trình bày các lập luận liên quan và xem xét chúng khi đưa ra phán quyết hay không. Nếu mỗi quan ngại nằm ở việc Hội đồng Trọng tài đưa ra một kết luận không phù hợp với lập trường của các bên về một vấn đề cụ thể, thì đó thường là vấn đề liên quan đến nguyên tắc công bằng tự nhiên hơn là vượt thẩm quyền (xem CFJ và một bên khác kiện CFL và một bên khác và các vụ việc liên quan [2023] 3 SLR 1 (“CFJ v CFL”), đoạn [123]). Các tòa án áp dụng cách tiếp cận thực tiễn khi xác định phạm vi tranh tụng, và Hội đồng Trọng tài có thể xem xét và quyết định các vấn đề là “bước cần thiết” hoặc “vấn đề tiền đề” đối với một vấn đề nằm rõ ràng trong phạm vi được đệ trình cho trọng tài xem xét.

81 Trong vụ TMM Division Maritima SA de CV kiện Pacific Richfield Marine Pte Ltd [2013] 4 SLR 972 (“TMM Division”), bên mua đồng ý mua hai tàu. Sau khi bên bán phát hành thông báo sẵn sàng giao hàng (Notice of Readiness – “NOR”), bên mua từ chối NOR với lý do các tàu chưa sẵn sàng về mặt vật lý để giao hàng, theo yêu cầu của hợp đồng ([12]). Trong phiên trọng tài, một phần lập luận của bên bán dựa trên Điều khoản 11, quy định rằng tàu phải được giao trong tình trạng sẵn sàng về mặt vật lý ([9]). Bên bán lập luận trong phần kết luận rằng việc vi phạm Điều khoản 5 (liên quan đến thông báo, thời gian và địa điểm giao hàng) do không giao tàu sẵn sàng về vật lý chỉ cấu thành vi phạm điều khoản trung gian (intermediate term) chứ không phải điều kiện (condition) ([24(d)], [67]–[69]). Trong phán quyết trọng tài, Trọng tài viên kết luận rằng Điều khoản 11 là bảo đảm phụ (collateral warranty), nên bên mua không thể dựa vào điều khoản này để từ chối NOR ([25]).

82 Bên mua khởi kiện yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, trong đó có căn cứ cho rằng kết luận của Trọng tài viên về Điều khoản 11 vượt thẩm quyền, vì vấn đề liệu Điều khoản 11 có phải là “điều kiện” hay không không được nêu trong bản biện hộ hay bản ghi nhớ vấn đề của các bên ([31]). Thực tế, đó

không phải là lập trường của bên bán, và bên mua trong trọng tài cũng không hề đề cập đến Điều khoản 11 (xem tóm tắt lập luận của bên mua tại [22]). Tòa Cấp cao (High Court) bác yêu cầu hủy vì vượt thẩm quyền. Tòa lập luận rằng bản ghi nhớ vấn đề của các bên đã yêu cầu Trọng tài xác định liệu việc bên mua không chấp nhận NOR có cấu thành hành vi vi phạm nghiêm trọng (repudiatory breach) hay không, và do đó Trọng tài viên có thể xem xét liệu Điều khoản 11 có phải là điều kiện hay không, vì điều này có ảnh hưởng đến câu hỏi liệu bên mua có vi phạm hợp đồng hay không ([57]). Phần này trong TMM Division được giải thích rằng việc xác định tính pháp lý của Điều khoản 11 là một “bước cần thiết” và “vấn đề tiền đề” đối với vấn đề vi phạm nghiêm trọng được đệ trình cho Trọng tài viên (xem GD Midea Air Conditioning Equipment Co Ltd kiện Tornado Consumers Goods Ltd [2018] 4 SLR 271 tại [57] và Swire Shipping tại [51]).

83 Tương tự, chúng tôi cho rằng việc xác định liệu Thông báo Thứ hai có thể ảnh hưởng đến Thông báo Thứ nhất hay không có thể được xem là “vấn đề tiền đề” hoặc “bước cần thiết” để quyết định tính hợp lệ của Thông báo Thứ hai. Bản chất của vụ việc này là có hai thông báo chấm dứt chồng lấn nhau, và cần xem xét mối quan hệ, tác động qua lại giữa chúng. Trong phạm vi mà các bên đã yêu cầu xác định liệu Hợp đồng EPC có thể hoặc đã được chấm dứt bởi Thông báo Thứ hai (xem [53] ở trên), chúng tôi cho rằng Hội đồng Trọng tài có thẩm quyền xem xét vấn đề này.

84 Do đó, với sự tôn trọng, chúng tôi cho rằng Thẩm phán cấp sơ thẩm đã không đúng khi kết luận rằng Hội đồng Trọng tài đã hành động vượt quá thẩm quyền trên cơ sở này.

85 Tại phiên điều trần trước chúng tôi, Luật sư Ong lập luận rằng việc vượt thẩm quyền nằm ở chỗ PM trong bản biện hộ đã khẳng định rõ ràng khi ban hành Thông báo Thứ hai, họ không có ý định rút lại Thông báo Thứ nhất,

tức là lập trường của PM hoàn toàn trái ngược với kết luận của Hội đồng Trọng tài. Theo ông, đây là một kết luận mà Hội đồng Trọng tài không có thẩm quyền đưa ra. Lập luận của ông Ong mở rộng thêm quan điểm của PVN trong bản đệ trình viết, cho rằng kết luận tại đoạn 548 của Phán quyết Trọng tài “hoàn toàn trái ngược” với ý định rõ ràng của PM là chấm dứt Hợp đồng EPC thông qua Thông báo Thứ nhất, như được nêu trong bản biện hộ của PM.⁷⁸

86 Theo đánh giá của chúng tôi, đây là vấn đề cần được xem xét kỹ lưỡng hơn, và như đã nói, quan điểm của chúng tôi ở đây chỉ mang tính tạm thời. Một mặt, pháp luật đã nhất quán công nhận rằng Hội đồng Trọng tài có quyền đưa ra kết luận hoặc suy luận độc lập, không bị ràng buộc phải chấp nhận hoàn toàn lập trường của bất kỳ bên nào, mà được quyền tự rút ra kết luận từ chứng cứ và tình tiết (xem *Soh Beng Tee* [65(e)], *CJA v CIZ* [72], *CFJ v CFL* [132]). Do đó, việc Hội đồng Trọng tài đưa ra kết luận khác với lập luận của các bên không nhất thiết khiến quyết định đó nằm ngoài phạm vi trọng tài, nếu khác biệt này chỉ liên quan đến các điểm tranh chấp pháp lý hoặc thực tế. Khi Hội đồng Trọng tài ra phán quyết theo hướng khác với những gì các bên đã nêu trong bản biện hộ hoặc các lập luận khác, thì với điều kiện tuân thủ những nguyên tắc đã được nêu ở trên, bao gồm tại đoạn [37] điều đó không nhất thiết khiến quyết định của Hội đồng Trọng tài vượt ra ngoài phạm vi đệ trình trọng tài. Theo quan điểm của chúng tôi, điều này đúng trong những trường hợp mà sự khác biệt giữa các bên chỉ liên quan đến các vấn đề pháp lý hoặc thực tế đang tranh chấp.

87 Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, dường như tình huống sẽ khác biệt khi:

- (a) Một bên đưa ra lập trường về một vấn đề thực tế liên quan đến chính hành vi của mình; và

⁷⁸ Các bản đệ trình bằng văn bản của PVN trong vụ CA 48 tại các đoạn 12 và 13

(b) Bên còn lại chấp nhận hoặc ít nhất không tranh cãi về lập trường thực tế đó.

88 Trong trường hợp như vậy, tình huống có thể được ví như một “sự kiện thực tế được hai bên đồng thuận”. Vì thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài bắt nguồn từ sự thỏa thuận của các bên, chúng tôi cho rằng Hội đồng Trọng tài không thể hợp pháp vượt qua những sự kiện thực tế đã được các bên thống nhất để đưa ra một kết luận trái ngược.

89 Chúng tôi thừa nhận rằng đây phần lớn chỉ là một vấn đề lý thuyết. Thứ nhất, hoàn cảnh như vậy hiếm khi xảy ra. Thứ hai, trong những trường hợp như vậy, sẽ gần như chắc chắn tồn tại một căn cứ độc lập, rõ ràng hơn để khiếu nại dựa trên vi phạm nguyên tắc công bằng tự nhiên, giống như trong vụ việc này.

90 Như đã nhận định, chúng tôi không cần đưa ra phán quyết cuối cùng về vấn đề này, và do đó không bình luận thêm.

Liệu yêu cầu trả lại của PM có đáp ứng các yêu cầu thủ tục tương ứng hay không

91 Sau khi giữ nguyên phán quyết của Thẩm phán rằng Hội đồng Trọng tài đã vi phạm quy tắc xét xử công bằng, chúng tôi tiếp tục xem xét lập luận của PVN rằng Thẩm phán đã không tuân thủ các yêu cầu thủ tục cần thiết trước khi ra lệnh trả lại vấn đề cho Hội đồng Trọng tài.

92 Trước khi xem xét các lập luận của PVN về thủ tục phù hợp, trước tiên chúng tôi làm rõ một điểm thực tế cơ bản. Tại phiên điều trần trước Thẩm phán, luật sư của PM đã thực hiện một yêu cầu miêng về việc trả lại, và trình bày yêu cầu này như một phương án dự phòng trong trường hợp Thẩm phán cho rằng có căn cứ để hủy Phán quyết Cuối cùng. Mặc dù PVN tranh cãi rằng

không có yêu cầu miệng nào được đưa ra,⁷⁹ điều này đã bị bác bỏ bởi ghi chú của Thẩm phán. Chúng tôi trích dẫn các đoạn liên quan từ bản ghi chú đó:⁸⁰

Ông Kronenburg: Nếu Tòa án cho rằng có vi phạm, thì chúng tôi đề nghị trả lại vụ việc cho Hội đồng Trọng tài.

...

Tòa án có thẩm quyền trả lại nếu không đồng ý với lập luận của PM về Vấn đề thứ nhất. Không có lý do gì Hội đồng Trọng tài không thể giải quyết vấn đề đó.

93 Như chúng tôi đã lưu ý tại giai đoạn trước của quá trình tố tụng này (xem *Vietnam Oil and Gas Group v Joint Stock Company (Power Machines – ZTL, LMZ Electrosila Energomachexport)* [2025] 1 SLR 414), không có tranh chấp nào về việc ông Kronenburg thực tế đã đưa ra lập luận này, và không có căn cứ để cho rằng Thẩm phán đã ghi nhận sai ý kiến đó (tại [28]). Chúng tôi cũng xác nhận rằng ghi chú của Thẩm phán là bản ghi chính thức của phiên điều trần và đã bác bỏ đơn của PVN nhằm thách thức tính xác thực của bản ghi đó (tại [48]). Theo quan điểm của chúng tôi, PVN không có cơ sở để tranh cãi về việc PM đã đưa ra yêu cầu miệng về việc trả lại cho Hội đồng trọng tài.

94 Trên cơ sở đó, chúng tôi xem xét lập luận của PVN rằng dù yêu cầu miệng của PM có tồn tại thì vẫn không tuân thủ về mặt thủ tục. PVN lập luận rằng Quy tắc Tố tụng Dân sự 2021 (ROC 2021) yêu cầu PM phải đưa ra yêu cầu về lệnh trả lại và nêu rõ các căn cứ hỗ trợ cho yêu cầu đó (a) bằng cách nộp một đơn triệu tập riêng biệt yêu cầu lệnh trả lại kèm theo một bản tuyên thệ hỗ trợ; hoặc (b) trong bản tuyên thệ phản hồi mà PM đã nộp trong hồ sơ OA 346 để phản bác đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của PVN.⁸¹ Hơn nữa, trước tòa, ông Ong đã làm rõ rằng các yêu cầu thủ tục này chỉ áp dụng từ khi ROC 2021 có hiệu lực, và không áp dụng theo các quy định pháp lý trước đó.

⁷⁹ Bản đệ trình bằng văn bản CA 48 của PVN tại đoạn 51.

⁸⁰ AB Phần A trang 57 tại dòng 1–2; AB Phần A trang 58 tại dòng 20–22

⁸¹ Bản trình bày bằng văn bản của PVN CA 48 tại đoạn 44.

95 Theo đánh giá của chúng tôi, các lập luận của PVN về yêu cầu thủ tục đối với yêu cầu lệnh trả lại là không thể chấp nhận được, dù là theo ROC 2021 hay theo các chế độ pháp lý trước đó.

Yêu cầu trả hồ sơ theo ROC 2021

96 Điều 34(4) của Luật Mẫu quy định rằng khi tòa án được yêu cầu hủy bỏ một phán quyết, tòa án có thể tạm đình chỉ thủ tục hủy bỏ và ra lệnh trả hồ sơ theo yêu cầu của một bên:

(4) Khi được yêu cầu hủy bỏ một phán quyết, tòa án có thể, nếu thích hợp và theo yêu cầu của một bên, tạm đình chỉ thủ tục hủy bỏ trong một khoảng thời gian do tòa án xác định, nhằm tạo cơ hội cho hội đồng trọng tài tiếp tục tiến trình trọng tài hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào khác mà hội đồng trọng tài cho là sẽ loại bỏ căn cứ dẫn đến việc hủy bỏ.

[nhấn mạnh thêm]

97 Mặc dù Luật Mẫu không quy định hình thức cụ thể cho yêu cầu trả hồ sơ, Singapore đã ban hành văn bản pháp luật nội địa để điều chỉnh cách thức nộp đơn ra tòa theo Đạo luật Trọng tài Quốc tế (IAA) và Luật Mẫu (xem BZW kiện BZV tại [45]–[46]). Các đơn này được điều chỉnh theo Lệnh 48 của ROC 2021.

98 Lệnh 48, quy tắc 2 của ROC 2021 quy định rằng một số đơn nhất định phải được nộp dưới hình thức đơn khởi kiện gốc và phải kèm theo bản khai có tuyên thệ để hỗ trợ. Những đơn này bao gồm đơn yêu cầu hủy bỏ phán quyết theo Điều 24 của IAA hoặc Điều 34(2) của Luật Mẫu, và đơn yêu cầu tòa quyết định về việc thách thức trọng tài viên theo Điều 13(3) của Luật Mẫu. Lệnh 48, quy tắc 3 (O 48 r 3) quy định rằng một số đơn khác, như đơn xin lệnh tạm thời theo Điều 12A của IAA hoặc đơn xin thi hành phán quyết theo Điều 18 hoặc 19 của IAA, phải được nộp dưới hình thức đơn yêu cầu hoặc đơn khởi kiện gốc. Đáng chú ý, yêu cầu trả hồ sơ theo Điều 34(4) không nằm trong danh mục đơn yêu cầu được liệt kê tại các quy tắc 2(1) và 3(1) của Lệnh

99 Tóm lại, ROC 2021 không quy định bắt buộc về hình thức của một yêu cầu hợp lệ đối với việc trả hồ sơ. Chúng tôi cũng ghi nhận rằng Lệnh 69A, quy tắc 2 và 3 của ROC 2014 là văn bản tiền nhiệm của Lệnh 48 cũng được soạn thảo tương tự và không liệt kê yêu cầu trả hồ sơ là loại đơn phải được nộp dưới hình thức đơn khởi kiện gốc hoặc đơn yêu cầu.

100 PVN lập luận rằng một yêu cầu trả hồ sơ theo Điều 34(4) phải tuân theo các quy định khác trong ROC 2021. Thứ nhất, PVN viện dẫn Lệnh 3, quy tắc 5(1), 5(7) và 5(8), yêu cầu rằng tất cả đơn yêu cầu trong một vụ kiện phải được nộp dưới dạng đơn yêu cầu, kèm theo bản khai có tuyên thệ và đầy đủ chứng cứ hỗ trợ, và phải được tổng đạt.⁸² Cụ thể, Lệnh 3, quy tắc 5(1) quy định:

Tùy theo các quy tắc này, tất cả đơn yêu cầu tòa án trong một vụ kiện phải được nộp dưới hình thức đơn yêu cầu theo Mẫu 1 hoặc Mẫu 2, tùy trường hợp phù hợp, và phải được hỗ trợ bằng bản khai có tuyên thệ.

101 Theo đánh giá của chúng tôi, lập luận này sai hướng. Lệnh 3, quy tắc 5(1) phải được hiểu trong mối liên hệ với toàn bộ ROC 2021, bao gồm cả Lệnh 48, quy tắc 3, vốn xác định rõ những đơn nào theo IAA cần được nộp dưới hình thức đơn yêu cầu hoặc đơn khởi kiện gốc. Diễn giải của PVN về Lệnh 3 quy tắc 5(1) sẽ vô hiệu hóa ý nghĩa của Lệnh 48 quy tắc 3.

102 105 Thứ hai, PVN lập luận rằng PM đã không xin sự chấp thuận trước của tòa án để nộp đơn xin lệnh trả hồ sơ, như được yêu cầu theo Lệnh 9, Quy tắc 9(8) và Lệnh 2, Quy tắc 9(9) của ROC 2021.⁸³ Lệnh 9, Quy tắc 9 điều chỉnh việc nộp một đơn yêu cầu duy nhất trong thời gian chờ xử, nhằm hợp nhất tất cả các vấn đề cần thiết để phiên xử được tiến hành nhanh chóng. Cụ thể, Lệnh 9, Quy tắc 9(8) quy định rằng: “Phải xin phép Tòa án để nộp các

⁸² Bản trình bày bằng văn bản CA 48 của PVN tại các đoạn 39–40

⁸³ Bản trình bày bằng văn bản của PVN CA 48 tại các đoạn 36–38

đơn yêu cầu khác ngoài những đơn được nêu tại hội nghị vụ án, bằng cách gửi thư nêu rõ nội dung cơ bản của đơn yêu cầu dự định nộp và lý do tại sao đơn đó là cần thiết ở giai đoạn đó của thủ tục tố tụng.” Lệnh 2, Quy tắc 9(9) phản ánh yêu cầu này đối với các đơn yêu cầu trong “vụ kiện đang chờ giải quyết”. Lệnh 9, Quy tắc 9(10) cũng quy định rằng không được nộp đơn yêu cầu nào trong khoảng thời gian 14 ngày trước ngày mở phiên xử, trừ khi có lý do đặc biệt và được Thẩm phán phụ trách phiên xử chấp thuận. Trên cơ sở này, PVN lập luận rằng PM cần phải xin phép trước của Tòa án để nộp đơn xin lệnh trả hồ sơ, và đã không thực hiện điều đó.

103 Chúng tôi một lần nữa không đồng tình.

(a) Lệnh 9, Quy tắc 9 của ROC 2021 liên quan đến đơn yêu cầu duy nhất trong thời gian chờ xử. Điều này có thể suy ra từ Lệnh 9, Quy tắc 9(3), quy định rằng đơn yêu cầu duy nhất phải xử lý tất cả các vấn đề cần thiết để vụ án được xét xử nhanh chóng, bao gồm các vấn đề tại phiên xử, việc cung cấp tài liệu và việc sửa đổi các bản đệ trình (xem Lệnh 9, Quy tắc 9(4)(c), 9(4)(f) và 9(4)(k) của ROC 2021). Lệnh 9, Quy tắc 9 được thiết kế chủ yếu áp dụng cho các phiên xử theo đơn khởi kiện gốc, chứ không phải các phiên điều trần theo đơn khởi kiện gốc.

(b) Việc diễn giải trong bối cảnh với Lệnh 48, Quy tắc 3(3) cho thấy Lệnh 9, Quy tắc 9(7) không được thiết kế để áp dụng trong tình huống hiện tại. Lệnh 48, Quy tắc 3(3) quy định rằng “[t]rong trường hợp khẩn cấp hoặc đơn yêu cầu theo Điều 18, 19 hoặc 29 để được phép thi hành phán quyết hoặc phán quyết nước ngoài, thì đơn yêu cầu đó có thể được nộp không cần thông báo theo các điều kiện mà Tòa án thấy phù hợp”. Theo chúng tôi, nếu áp dụng một cách máy móc các yêu cầu tại Lệnh 2, Quy tắc 9 và Lệnh 9, Quy tắc 9(7) thì sẽ dẫn đến kết quả

phi lý rằng một bên muốn xin phép thi hành các lệnh tạm thời theo cách khẩn cấp và đơn phương sẽ phải viết thư cho tòa để xin phép nộp đơn yêu cầu đó.

(c) Quan điểm đúng đắn là Lệnh 2, Quy tắc 9 của ROC 2021 là một phần trong tổng quan chung về cách thức một đơn khởi kiện gốc hoặc đơn khởi kiện theo Phần 1 của ROC 2021 được tiến hành. ROC 2021 cũng nêu rõ rằng một vụ kiện “không cần phải tiến hành đúng theo cách được quy định trong Lệnh này” (xem Lệnh 2, Quy tắc 1).

104 Tóm lại, chúng tôi cho rằng các yêu cầu thủ tục tại Lệnh 2, Quy tắc 9 và Lệnh 9, Quy tắc 9 của ROC 2021 cần được hiểu đúng theo mục đích thực tế của chúng. Trong mọi trường hợp, ngay cả khi ROC 2021 có đặt ra các yêu cầu như vậy, thì các yêu cầu này thường chịu sự quyết định linh hoạt của Tòa án theo Lệnh 3, Quy tắc 2(1).

Bản chất của yêu cầu trả hồ sơ theo Điều 34(4)

105 Chúng tôi chuyển sang xem xét bản chất của một yêu cầu trả hồ sơ, vốn cần được đặt đúng vị trí trong tiến trình xử lý một đơn yêu cầu hủy bỏ phán quyết trọng tài. Thông thường, bị đơn trong một đơn yêu cầu hủy bỏ phán quyết sẽ không bắt đầu bằng việc yêu cầu trả lại một số vấn đề cho hội đồng trọng tài. Trên thực tế, ngoại trừ trong những trường hợp rõ ràng, bị đơn trước hết sẽ quan tâm đến việc bác bỏ các căn cứ mà bên kia viện dẫn để yêu cầu hủy bỏ phán quyết. Yêu cầu trả hồ sơ, nếu được đưa ra, thường là một phương án thay thế, được trình bày như một phương án dự phòng. Do đó, không hợp lý khi yêu cầu bên đó phải nộp đơn xin lệnh trả hồ sơ từ trước, trong khi chính bên đó sẽ lập luận rằng việc trả hồ sơ là không cần thiết và rằng phán quyết nên được giữ nguyên như đã ban hành. Khi cần thiết, các yêu cầu như vậy thường chỉ được đưa ra trong quá trình phiên điều trần về việc hủy bỏ, chứ không phải trước hoặc ngay khi bắt đầu phiên điều trần.

106 Theo tinh thần đó, trong vụ *Bagadiya Brothers (Singapore) Pte Ltd kiện Ghanashyam Misra & Sons Pte Ltd* [2023] 4 SLR 984 (“*Vụ Bagadiya Brothers*”), Tòa án Cấp cao khi quyết định trả để xem xét lại phán quyết cho trọng tài viên xem xét lại, đã ngầm áp dụng quan điểm rằng không có giới hạn nào về hình thức thủ tục mà một yêu cầu trả để xem xét lại theo Điều 34(4) phải được thực hiện. Trong vụ việc đó, luật sư của bị đơn không nêu vấn đề về việc trả để xem xét lại trong các bản khai có tuyên thệ hay trong phần tranh luận miệng trước tòa; và chỉ sau khi Tòa án yêu cầu các bên nộp bổ sung ý kiến về vấn đề này, yêu cầu trả để xem xét lại mới được nêu ra như một yêu cầu thay thế (tại các đoạn [24], [26] và [29]). Tuy nhiên, Tòa án vẫn chấp thuận ban hành lệnh trả để xem xét lại. Tòa cũng nhận định rằng việc bị đơn không nêu yêu cầu trả để xem xét lại trong phiên điều trần không cản trở Tòa án thực hiện quyền trả để xem xét lại, bởi việc ấn định một thời điểm giới hạn cụ thể để nộp yêu cầu trả để xem xét lại sẽ gây gò bó cho việc hiểu đúng nghĩa đen của Điều 34(4) (tại đoạn [69]).

Yêu cầu được PM nêu ra tại phiên điều trần không gây ảnh hưởng bất lợi cho PVN

107 Cuối cùng, chúng tôi nhận thấy rằng yêu cầu của PM tại phiên điều trần không gây ra bất kỳ thiệt hại hay bất lợi nào cho PVN. Như được thể hiện trong ghi chú phiên điều trần của Thẩm phán, khi Thẩm phán đặt câu hỏi về lý do tại sao việc ban hành *lệnh trả để xem xét lại* lại không phù hợp, luật sư của PVN đã trình bày lập luận của mình kèm theo các căn cứ pháp lý để bảo vệ quan điểm đó.⁸⁴

Ct Nếu xác định rằng quyết định của Hội đồng Trọng tài tại đoạn 548 của Phán quyết đã vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng thì việc trả lại vụ việc cho Hội đồng Trọng tài để khắc phục vi phạm đó có phải là biện pháp phù hợp hay không?

⁸⁴ Tập B, Phần A, từ trang 50 dòng 16 đến trang 51 dòng 14

PVN có thể trình bày các lập luận của mình về vấn đề này.

C Ong Không phù hợp để trả để xem xét lại.

Phán quyết, đoạn 535 – theo pháp luật Việt Nam, Thông báo thứ nhất vẫn có hiệu lực để chấm dứt Hợp đồng.

Phán quyết, đoạn 548 – không viện dẫn đến pháp luật Việt Nam.

Phán quyết, đoạn 548 – không phải là lần duy nhất Hội đồng Trọng tài cố gắng diễn giải vụ việc theo hướng không phù hợp.

Hội đồng Trọng tài không thể giải quyết vấn đề này một cách công bằng – không phù hợp nếu họ tự bỏ sung các lập luận mà các bên chưa nêu ra.

Tập hồ sơ chính, trang 367 – Bản đề trình sau phiên điều trần của PM.

Tập hồ sơ thống nhất, trang 4434.

BZW.

Ct Tại sao ông cho rằng, xét theo tình tiết của vụ việc này, việc trả để xem xét lại là không phù hợp?

C Ong Hội đồng Trọng tài đã sử dụng từ “trái pháp luật”

Hội đồng Trọng tài lẽ ra phải hành xử nhất quán.

Hội đồng Trọng tài đã thể hiện rõ khuynh hướng muốn đạt được kết quả mà họ mong muốn – khi sử dụng từ “**có hiệu lực**” (*effective*) theo nhiều cách khác nhau.

Phán quyết, đoạn 525 – Thông báo thứ nhất không có hiệu lực.

Phán quyết, đoạn 543.

So sánh với Phán quyết, đoạn 548.

Phán quyết, đoạn 549 – cho thấy Hội đồng Trọng tài biết rằng không có chứng cứ nào về pháp luật Việt Nam, nhưng vẫn tiếp tục dựa vào đoạn 548 – điều đó thiếu trung thực về mặt lập luận..

Những đoạn này cho thấy rằng không thể tin tưởng để Hội đồng Trọng tài xét xử lại vấn đề này. Họ biết rằng có những điểm bất hợp lý, nhưng vẫn cố gắng áp đặt quan điểm của mình.

108 Luật sư Ong cũng đã có cơ hội phản hồi về nội dung đối với các lý do mà PM đưa ra để giải thích vì sao Tòa nên ban hành lệnh trả để xem xét lại. Sau khi ông Kronenburg đưa ra yêu cầu miêng về việc trả để xem xét lại như một phương án thay thế, với lập luận rằng việc này “nằm trong thẩm quyền

của Tòa án nếu Tòa không đồng ý với lập luận của PM về Vấn đề thứ nhất” và rằng “không có lý do nào khiến Hội đồng Trọng tài không thể xem xét lại vấn đề này”, luật sư Ong đã được trao cơ hội để đáp lại.⁸⁵ Luật sư Ong đã phản hồi về nội dung, viện dẫn các án lệ *Bagadiya Brothers* và *CEF* và một bên khác kiện *CEH* [2022] 2 SLR 918.⁸⁶ Do đó, chúng tôi không nhận thấy rằng PVN phải chịu bất kỳ thiệt hại hoặc bất lợi nào do không có khả năng phản hồi vì bị bất ngờ.

Dù sao đi nữa, luật sư Ong hoàn toàn có thể yêu cầu Tòa tạm dừng hoặc hoãn phiên điều trần nếu ông cần thêm thời gian để xem xét kỹ hơn phản hồi của mình.

109 Vì các lý do nêu trên, chúng tôi không đồng ý rằng có yêu cầu thủ tục nào trong ROC 2021 buộc PM phải nộp yêu cầu trả để xem xét lại thông qua đơn triệu tập kèm theo bản khai có tuyên thệ, hoặc phải nêu yêu cầu này trong bản khai trả lời nộp trong vụ việc yêu cầu hủy phán quyết.

Yêu cầu hợp lệ đã được nêu ra theo Điều 34(4), và Thẩm phán hoàn toàn có thẩm quyền xem xét yêu cầu đó.

Liệu Thẩm phán có phạm sai lầm khi ban hành lệnh trả để xem xét lại hay không

110 Sau khi giải quyết các khiếu nại về thủ tục của PVN, chúng tôi chuyển sang xem xét lập luận về nội dung của PVN cho rằng Thẩm phán đã phạm sai lầm khi sử dụng quyền định đoạt của mình để ban hành lệnh trả để xem xét lại.

Các nguyên tắc điều chỉnh việc Tòa án sử dụng quyền định đoạt để ban hành lệnh trả để xem xét lại theo Điều 34(4).

111 Trước hết, cần lưu ý rằng việc trả để xem xét lại (remission) nhằm mục đích cho phép Hội đồng trọng tài khắc phục hoặc loại bỏ những sai sót có

⁸⁵ Tập AB, Phần A, từ trang 58 dòng 20 đến dòng 22.

⁸⁶ Tập AB, Phần A, trang 60, bắt đầu từ dòng 3.

thể khắc phục được trong phán quyết của mình (BZW kiện BZV, đoạn [65], trích dẫn từ *International Commercial Arbitration: Analytical Commentary on Draft Text of a Model Law on International Commercial Arbitration* (Báo cáo của Tổng Thư ký), Ủy ban Luật Thương mại Quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL), Kỳ họp lần thứ 18, Tài liệu Liên hợp quốc A/CN.9/264 (1985), trang 74, đoạn 13–14). Cũng cần nhấn mạnh rằng, khi xem xét biện pháp khắc phục phù hợp, mối quan tâm cơ bản của Tòa án là bảo đảm tính toàn vẹn của quy trình trọng tài, chứ không phải là đánh giá tính đúng đắn trong lập luận hay kết quả mà Hội đồng trọng tài đưa ra (*DJP và những người khác kiện DJO* [2025] 1 SLR 576 (“DJP kiện DJO”), đoạn [50]). Do đó, về nguyên tắc, việc trả để xem xét lại phán quyết có thể được coi là phù hợp khi sai sót được xác định là có thể được khắc phục.

112 Ở mức độ cơ bản, một số sai sót do bản chất của chúng là không thể khắc phục được. Ví dụ, việc trả để xem xét lại sẽ không phù hợp trong trường hợp Hội đồng trọng tài đã ra quyết định vượt quá thẩm quyền của mình đối với một biện hộ không được nêu trong bản luận cứ (xem vụ *CAJ kiện CAI*, đoạn [52], được khẳng định trong vụ *Wan Sern Metal Industries Pte Ltd kiện Hua Tian Engineering Pte Ltd* [2025] 1 SLR 88 (“*Wan Sern*”), đoạn [57]). Ngoài các trường hợp như vậy, Tòa án sẽ xem xét một số yếu tố khác nhau để xác định liệu việc trả để xem xét lại có phù hợp trong hoàn cảnh cụ thể hay không. Chúng tôi sẽ lần lượt xem xét các yếu tố này dưới đây.

Liệu khiếm khuyết có ảnh hưởng đến niềm tin vào khả năng của tòa án trong việc cung cấp một quy trình công bằng khi xem xét các vấn đề đã chuyển lại hồ sơ hay không

113 Khi vấn đề trả hồ sơ phát sinh trong bối cảnh nhằm khắc phục một vi phạm nguyên tắc công bằng tố tụng, mỗi quan ngại rõ ràng là liệu việc trả hồ sơ cho chính hội đồng trọng tài đó có làm trầm trọng thêm thay vì khắc phục khiếu nại hay không. Do đó, câu hỏi đầu tiên cần được trả lời là liệu một người quan sát công tâm có thể hợp lý nghi ngờ rằng hội đồng trọng tài có thể sẽ không đảm bảo một quy trình công bằng cho các bên trong việc xem xét các vấn đề được trả về hay không. Điều này sẽ đúng nếu hội đồng trọng tài đã tiến hành vụ việc theo cách mà việc buộc họ phải gạt bỏ hoàn toàn những quan điểm đã có trước đó để xem xét lại cùng một vấn đề sẽ trở nên khó xử và gây bối rối (*Lovell Partnerships (Northern) Ltd v A W Construction plc* (1996) 81 BLR 83 (“*Lovell*”) tại trang 99I).

114 Mặc dù tiêu chuẩn được nêu trong *BZW v BZV* tại [67(b)] (trích dẫn *Lovell* tại trang 99H) được diễn đạt theo cách “liệu một người hợp lý có còn giữ được niềm tin vào khả năng của Hội đồng trọng tài trong việc đưa ra một kết luận công bằng và cân bằng về các vấn đề nếu được trả về hay không”, trọng tâm thực sự nằm ở niềm tin vào quy trình công bằng, chứ không phải vào kết luận công bằng. Điều này bắt nguồn từ nhận định rằng các bên trong trọng tài không có quyền được đảm bảo một kết luận cụ thể nào, vì khi lựa chọn trọng tài làm phương thức giải quyết tranh chấp, họ phải chấp nhận quyết định của trọng tài viên “dù đúng hay sai” (xem *TMM Division* tại [65]). Tuy nhiên, điều mà tòa án giám sát sẽ cố gắng bảo đảm là tranh chấp phải được giải quyết thông qua một quy trình công bằng, vô tư và bình đẳng (*DJP v DJO* tại [1]). Do đó, nếu khiếm khuyết trong quy trình khiến một người quan sát công tâm có thể hợp lý nghi ngờ rằng hội đồng trọng tài sẽ không thể đảm bảo một quy trình công bằng cho các bên trong việc giải quyết các vấn đề được trả về, thì việc trả hồ sơ thường là không phù hợp.

115 Một ví dụ cho điều này có thể được thấy trong vụ BZW v BZV, nơi việc trả hồ sơ đã không được chấp thuận vì hội đồng trọng tài đã, trong số những điều khác, áp dụng một chuỗi lập luận mà các bên không lường trước được, và thậm chí không thể lường trước được. Ví dụ, liên quan đến lập luận phòng vệ của các bị đơn về estoppel để phản bác yêu cầu của nguyên đơn rằng con tàu được lắp đặt các máy phát điện không đúng theo hợp đồng, hội đồng trọng tài đã sai lầm khi cho rằng nguyên đơn đã đưa ra tuyên bố dùng để thiết lập lập luận estoppel, trong khi thực tế người phát ngôn lại là đại diện của chính bị đơn (tại [61(b)]). Sau khi lỗi này được chỉ ra, hội đồng trọng tài dường như đã phủ nhận tác động rõ ràng mà lỗi đó gây ra cho chuỗi lập luận của mình. Điều này, cùng với những vi phạm khác, không tạo được niềm tin rằng hội đồng trọng tài có thể đảm bảo một quy trình công bằng cho các bên nếu các vấn đề được trả về để xem xét lại (tại [69]).

116 Không thể phủ nhận rằng việc một người quan sát công tâm có tiếp tục đặt niềm tin vào hội đồng trọng tài hay không là câu hỏi phụ thuộc vào từng hoàn cảnh và tình tiết cụ thể của mỗi vụ việc. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng sự xem xét nghiêm ngặt thường sẽ được áp dụng đối với những lo ngại về khả năng của hội đồng trọng tài trong việc đảm bảo một quy trình công bằng và cân bằng cho các bên liên quan đến vấn đề được trả về, khi hội đồng trọng tài đã từng ra quyết định về vấn đề đó trong hoàn cảnh vi phạm quy tắc xét xử công bằng. Điều này là do bên chịu thiệt hại bởi vi phạm đó có thể có lý do chính đáng để lo ngại về việc có sự định kiến trước, đến mức tạo thành thiên vị rõ ràng.

117 Như chúng tôi đã tuyên bố trong vụ DJP v DJO, các cáo buộc về định kiến trước dẫn đến thiên vị rõ ràng được đưa ra đối với các quyết định viên mà cách thức tiến hành quy trình ra quyết định của họ dẫn đến nghi ngờ hoặc lo ngại hợp lý rằng họ có thể đã định đoạt trước tranh chấp đang được xét xử. Tiêu chuẩn cần được đáp ứng là liệu một người quan sát công tâm và có hiểu

biết, sau khi đã xem xét tất cả các sự kiện và hoàn cảnh của vụ việc, có thể hợp lý nghi ngờ hoặc lo ngại rằng người ra quyết định đã đạt đến một kết luận cuối cùng và mang tính quyết định, hoặc có thể đã thiên về một quan điểm nhất định trước khi được trình bày đầy đủ tất cả bằng chứng và lập luận mà các bên muốn đưa ra hay không (DJP v DJO tại [38], trích dẫn BOI v BOJ [2018] 2 SLR 115 tại [97] và [109]). Trong vụ DJP v DJO, chúng tôi đã tuyên bố rằng việc sử dụng các phán quyết có liên quan như là khuôn mẫu trong việc soạn thảo phán quyết bị tranh chấp với mức độ đáng kể sẽ dẫn đến nghi ngờ hợp lý trong tâm trí của người quan sát công tâm rằng hội đồng trọng tài đã bị ảnh hưởng một cách không phù hợp bởi các thiên kiến neo và thiên kiến xác nhận. Thiên kiến neo và thiên kiến xác nhận lần lượt đề cập đến xu hướng tiềm thức dựa quá nhiều vào kết luận và thông tin nhận được trước đó mà bỏ qua thông tin mới và phân tích lại, cũng như sự khó khăn trong việc thuyết phục người ra quyết định thay đổi ý kiến ban đầu của mình (DJP v DJO tại [73]–[74], trích dẫn G (A Child: Care Order) (Complex Developmental Needs) (No 1) [2023] EWFC 168 (B) tại [140] và HCA International Ltd v Competition and Markets Authority and another [2015] 1 WLR 4341 tại [4]).

118 Tuy vậy, mức độ quan tâm cần đặt vào khiếu nại về thiên kiến neo và thiên kiến xác nhận sẽ phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể. Ví dụ, khi những thiên kiến này phát sinh từ các phát ngôn đã từng được bày tỏ trước đó mang tính chất chung chung của trọng tài viên trong bối cảnh không mang tính xét xử, hoặc trong một vụ việc hoàn toàn không liên quan, thì những lo ngại như vậy có thể mang ít trọng lượng hơn nhiều: xem thêm Hội đồng IBA, IBA Guidelines on Conflicts of Interest in International Arbitration (25 tháng 5 năm 2024) tại đoạn 4.1.1, trong đó cho rằng không có lo ngại về thiên vị thực tế hoặc rõ ràng nếu một trọng tài viên từng bày tỏ quan điểm pháp lý trong một bài viết chuyên ngành pháp luật hoặc bài giảng công khai về một vấn đề sau đó phát sinh trong trọng tài.

119 Theo quan điểm của chúng tôi, khi một hội đồng trọng tài trước đó đã quyết định một vấn đề trong hoàn cảnh vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng, một người quan sát công tâm cũng có thể quan ngại về khả năng hội đồng trọng tài bị ảnh hưởng một cách không phù hợp bởi thiên kiến neo và thiên kiến xác nhận khi được yêu cầu xem xét lại chính vấn đề đó. Như đã được đề cập trước đó, nhiều điểm sẽ phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng và tính trọng yếu của vi phạm. Không đặt ra bất kỳ quy tắc cố định nào, chúng tôi cho rằng lo ngại về định kiến trước có thể đặc biệt rõ rệt trong trường hợp một điểm then chốt được quyết định trong hoàn cảnh vi phạm quy tắc xét xử công bằng, chẳng hạn như khi một bên bị từ chối cơ hội trình bày đầy đủ vụ việc của mình, hoặc khi hội đồng trọng tài áp dụng một chuỗi lập luận không liên quan đến những gì các bên đã đưa ra. Trong vụ *Sinclair Roche & Temperley and others v Heard and another* [2004] IRLR 763, Thẩm phán Burton, với tư cách là Chủ tịch của Tòa Phúc thẩm Lao động Vương quốc Anh, đã nhận xét khi xem xét việc liệu có nên trả hồ sơ lại cho tòa lao động để xem xét lại hay không (tại đoạn 46.5) rằng:

... Nếu hội đồng đã có sẵn quyết định trong đầu, xét theo bề ngoài, đối với tất cả các vấn đề trước mặt họ, thì đó có thể là một nhiệm vụ khó khăn, nếu không muốn nói là bất khả thi, để thay đổi nó: và dù sao đi nữa, sẽ tồn tại một nguy cơ rất thực tế về việc xuất hiện định kiến trước hoặc thiên vị nếu đó là điều mà hội đồng trọng tài được yêu cầu thực hiện. Sẽ tồn tại một mong muốn rất thực tế và rất con người để cố gắng đạt đến cùng một kết luận, chỉ đơn giản vì mong muốn tự nhiên muốn nói rằng 'Tôi đã nói rồi mà' ...

120 Trong vụ *Lovell*, Thẩm phán Mance J (khi đó) đối mặt với câu hỏi liệu có nên trả hồ sơ hay hủy bỏ một phán quyết tạm thời, trong đó trọng tài đã quyết định một số vấn đề liên quan đến yêu cầu của nhà thầu phụ và phản tố của nhà thầu, theo cách đã định đoạt phản tố. Thẩm phán Mance J cho rằng trọng tài đã sai lầm, trong đó có việc không thông báo cho các bên về những vấn đề ông dự định quyết định trong phán quyết tạm thời, do đó làm các bên mất cơ hội giải quyết các vấn đề đó. Việc này càng nghiêm trọng hơn khi cả trọng tài và các bên đều không cho rằng phản tố phù hợp để quyết định bằng

phán quyết tạm thời. Hơn nữa, nhà thầu phụ trước đó đã khẳng định rằng cần phải tiến hành điều tra và cung cấp thêm chứng cứ tài liệu và lời khai để xác định một số vấn đề liên quan đến yêu cầu và phản tố, nhưng không có cơ hội nào được tạo ra trước khi phán quyết tạm thời được ban hành (tại 98H–99E). Trong hoàn cảnh này, Thẩm phán Mance J đã hủy bỏ phán quyết, đồng thời cho rằng có thể “gây khó xử và bối rối” khi một trọng tài đã rút ra kết luận từ chứng cứ tài liệu và đưa ra quyết định về nhiều vấn đề thực tế “phải cố gắng gạt bỏ hết tất cả các quan điểm trước đó để xem xét lại các vấn đề đó trên cơ sở chứng cứ đầy đủ hơn” (tại 99I).

121 Vụ Lovell sau đó được áp dụng trong vụ Hui kiện Esposito Holdings Pty Ltd (2017) 345 ALR 287 (“Esposito Holdings”), nơi Tòa Liên bang Úc xem xét mối quan hệ giữa việc vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng của một hội đồng trọng tài và mối lo ngại về sự thiên vị có thể xảy ra. Ở đây, trọng tài đã ban hành một phán quyết một phần sau phiên xử sơ bộ, trong đó ông đã đưa ra nhận định liên quan đến việc có áp dụng được các biện pháp phòng thủ bù trừ hay không (tại [172]). Điều này xảy ra mặc dù trọng tài đã rõ ràng trước phiên xử rằng phiên sơ bộ sẽ không xét đến các biện pháp phòng thủ đó (tại [58]–[59]), và các luận điểm phản đối biện pháp phòng thủ bù trừ chỉ được bên khởi kiện trọng tài đưa ra trong bài phát biểu bế mạc tại phiên sơ bộ, điều này bị phản đối (tại [161]–[162] và [169]). Do đó, trọng tài đã tước đi quyền hợp lý của các bị đơn trọng tài để trình bày vụ việc của mình (tại [227]).

122 Tòa án trong vụ Esposito Holdings sau đó đánh giá liệu điều này có dẫn đến sự thiên vị hay không. Thẩm phán Beach đã xác nhận tiêu chuẩn trong vụ Lovell (xem [113] ở trên) là “minh họa mối liên hệ giữa việc vi phạm nguyên tắc không xét xử và lý do để loại bỏ trọng tài vì thiên vị” (Esposito Holdings tại [242]). Áp dụng tiêu chuẩn đó (xem [245]), ông cho rằng trọng tài đã hành xử theo cách khiến các bị đơn trọng tài không thể còn tin tưởng

vào ông ta nữa. Bởi vì trọng tài đã vượt quá phạm vi của phiên sơ bộ và quyết định các câu hỏi mang tính bản chất một cách cuối cùng mà không cho một số bên được quyền được trình bày ý kiến. Tổng hợp lại, Thẩm phán Beach từ chối trả hồ sơ phán quyết một phần với lý do việc trả hồ sơ sẽ không phù hợp nếu có thiên vị do không cho một bên được nghe ý kiến (Esposito Holdings tại [253]).

123 Những vụ án này cho thấy sự tương tác có thể xảy ra giữa việc hội đồng trọng tài vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng và mối lo ngại về sự thiên vị trước khi xét xử, có thể dẫn đến sự nghi ngờ về tính khách quan nếu phán quyết được trả hồ sơ. Dù được nhìn qua lăng kính của ảnh hưởng không đúng đắn từ các thiên kiến xác nhận và neo giữ, hay việc một hội đồng trọng tài sẽ “gây khó xử và bối rối” khi buộc phải gạt bỏ các quyết định trước đó để xem xét lại cùng một vấn đề, thì điểm mấu chốt là một người quan sát công bằng có thể có lý do để lo ngại trong những hoàn cảnh này. Quan điểm này được Thẩm phán Akenhead nêu rõ trong vụ Secretary of State for the Home Department kiện Raytheon Systems Ltd [2015] 159 ConLR 168 (“Raytheon Systems”) tại [11] (được trích dẫn trong BZW kiện BZV tại [67(a)]) như sau:

... tồn tại một nguy cơ thực sự, đánh giá khách quan, rằng ngay cả một hội đồng trọng tài có năng lực và đáng kính, nhưng có hành vi hoặc thiếu sót bị coi là sai phạm nghiêm trọng gây bất công đáng kể, cũng có thể vô thức bị cám dỗ để đạt được kết quả giống như trước.

124 Vụ Raytheon Systems được quyết định trong bối cảnh kháng cáo theo điều 68(2)(d) của Luật Trọng tài Anh 1996, liên quan đến việc hội đồng trọng tài không giải quyết tất cả các vấn đề được đưa ra. Trong chừng mực này tương tự với kháng cáo loại *infra petita* (khi hội đồng trọng tài phạm sai lầm do không xem xét tất cả các vấn đề trọng yếu đã được nêu trong quá trình trọng tài (xem DKT kiện DKU [2025] 1 SLR 806 tại [7])), chúng tôi tạm thời cho rằng các mối lo ngại về sự thiên vị trước khi xét xử và/hoặc như cách Thẩm phán Mance J đề cập trong vụ Lovell có thể không áp dụng mạnh mẽ

như vậy. Trong những trường hợp này, chưa có quyết định nào về điểm đó có thể cho thấy sự thiên vị trước khi xét xử, và việc trả hồ sơ có thể là biện pháp khắc phục phù hợp (xem ví dụ, CKG kiện CKH [2021] 5 SLR 84 (“CKG kiện CKH”), được xác nhận trong CKH kiện CKG và vụ khác [2022] 2 SLR 1).

Tính trọng yếu của vấn đề bị khiếu nại đối với phán quyết trọng tài

125 Yếu tố tiếp theo, có thể ảnh hưởng đến việc đánh giá niềm tin tiếp tục vào hội đồng trọng tài, là việc vi phạm liên quan đến một điểm riêng lẻ hay điểm độc lập, hay là điểm hoặc các điểm then chốt đối với phán quyết (xem Soh Beng Tee tại [92], được trích dẫn trong BZV kiện BZW tại [66(c)]).

126 Theo chúng tôi, tính trọng yếu của điểm bị khiếu nại phải được đánh giá trong bối cảnh toàn bộ phán quyết. Tòa án nên xem xét liệu vấn đề đó có thể được mô tả một cách công bằng là ảnh hưởng đến một phần đáng kể của phán quyết, hoặc thậm chí là điểm mấu chốt của toàn bộ vụ án hay không. Việc đánh giá này không nên chỉ dựa trên các con số. Việc vi phạm chỉ xoay quanh một vấn đề duy nhất hay liên quan đến nhiều vấn đề nhỏ không thể là yếu tố quyết định. Một vấn đề duy nhất mang tính quyết định có thể rất quan trọng đối với kết quả toàn bộ vụ án; trong khi nhiều vấn đề nhỏ có thể chỉ là tranh chấp về giá trị tương đối nhỏ.

127 Để minh họa, giả sử có một phán quyết giả định về tranh chấp xây dựng với nhiều hạng mục, mỗi hạng mục có giá trị bằng nhau. Nếu chỉ một vài hạng mục trong số đó bị quyết định vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng, thì chúng ta thường không xem đó là điểm mấu chốt của vụ án. Ngược lại, nếu vi phạm liên quan đến một điểm trách nhiệm duy nhất có thể ảnh hưởng đến phần lớn phán quyết còn lại, thì chúng tôi không cho rằng điểm đó có thể được xem là điểm riêng lẻ hay hạn chế, có thể tách rời khỏi phán quyết. Trong vụ Soh Beng Tee, đã có ý kiến cho rằng việc trả hồ sơ là phù hợp liên quan đến kết luận của trọng tài rằng thời hạn thực hiện hợp đồng xây dựng không

còn hiệu lực, vì đây là một vấn đề độc lập giữa nhiều vấn đề khác có thể tách rời và không bị khiêu nại mà trọng tài đã quyết định (tại [92]). Điều này xảy ra mặc dù kết luận của trọng tài dẫn đến việc nhà phát triển, chứ không phải nhà thầu, bị coi là vi phạm hợp đồng nghiêm trọng, và kết quả là yêu cầu bồi thường thiệt hại của nhà thầu được chấp nhận, còn yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng của nhà phát triển bị bác bỏ. Trước tiên, chúng tôi lưu ý rằng đây không phải là một phần của quyết định tòa án, vốn dựa trên việc không có vi phạm nguyên tắc tự nhiên công bằng (tại [72]). Tuy nhiên, trong chừng mực Soh Beng Tee dường như ủng hộ quan điểm rằng một điểm liên quan đến toàn bộ câu hỏi trách nhiệm về vi phạm hợp đồng nghiêm trọng có thể được coi là một điểm riêng lẻ hay độc lập chỉ vì có nhiều vấn đề khác có thể tách rời, thì chúng tôi xin phép không đồng ý với quan điểm đó. Tính quan trọng của vấn đề phải được xem xét trong bối cảnh toàn bộ phán quyết.

Yêu cầu bên phải sửa đổi đơn từ nếu việc trả hồ sơ được chấp nhận

128 Yếu tố thứ ba có thể liên quan là liệu việc trả hồ sơ có khả năng buộc một bên phải sửa đổi đơn từ của mình hay không. Như chúng tôi đã giữ trong vụ CAJ kiện CAI, việc trả hồ sơ thường nhằm tạo cơ hội cho hội đồng trọng tài xử lý các điểm đã được trình bày trước đó, có nghĩa là vấn đề đó thường đã được nêu trong đơn hoặc phát sinh từ các đơn đã có. Do đó, chúng tôi cho rằng việc trả hồ sơ sẽ không phù hợp trong vụ CAJ kiện CAI, vì cách duy nhất để hội đồng trọng tài có thể giải quyết đúng về một biện pháp mới được đưa ra liên quan đến việc gia hạn thời gian là bên kháng cáo phải nộp đơn sửa đổi biện hộ của mình. Việc cho phép sửa đổi vào giai đoạn muộn như vậy chắc chắn sẽ là điều không công bằng đối với bên bị kiện. Tương tự, trong vụ Wan Sern, chúng tôi cũng giữ rằng việc trả hồ sơ cho phán quyết của trọng tài về một khoản bồi thường thiệt hại nhất định là không thích hợp, vì việc trả hồ sơ sẽ yêu cầu trọng tài xem xét đơn sửa đổi đơn từ của bên bị kiện để bổ sung khoản bồi thường đó. Vì bên bị kiện chỉ đề nghị đưa ra yêu cầu về khoản bồi thường này ở giai đoạn rất muộn của trọng tài chỉ dựa trên chứng cứ tài liệu,

nên chúng tôi cho rằng bên đó phải chịu hậu quả của các lựa chọn chiến thuật của mình (tại [58]).

129 Do đó, việc trả hồ sơ sẽ không thích hợp nếu nó đòi hỏi sửa đổi đơn từ của một bên trong hoàn cảnh rõ ràng bất công đối với bên còn lại.

Tiết kiệm thời gian và chi phí

130 Một cân nhắc cuối cùng mà tòa án có thể xem xét là tiết kiệm thời gian và chi phí nếu phán quyết được trả hồ sơ (xem BZW kiện BZV tại [70], trích dẫn Raytheon Systems tại [11]; cũng xem Bagadiya Brothers tại [79] và CKG kiện CKH tại [70]). Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, việc cân nhắc về tiết kiệm thời gian và chi phí có thể chỉ mang tính phụ trợ trong những trường hợp khiếm khuyết trong quá trình trọng tài nghiêm trọng và quan trọng đến mức một người quan sát công bằng sẽ không còn tin tưởng vào khả năng của hội đồng trọng tài trong việc đưa ra kết luận công bằng và cân bằng về các vấn đề được trả hồ sơ.

Áp dụng vào hoàn cảnh hiện tại

131 Chúng tôi không đồng tình với quan điểm của Thẩm phán rằng việc trả hồ sơ là biện pháp khắc phục phù hợp.

(a) Thứ nhất, như chúng tôi đã giải thích, việc hội đồng trọng tài vi phạm nguyên tắc xét xử công bằng là nghiêm trọng. Quyết định tại đoạn 548 không liên quan gì đến các lập luận của các bên, và thực tế, nó trái ngược với lập trường về sự thật do PM đưa ra trong trọng tài.

(b) Thứ hai, quyết định tại đoạn 548 là quyết định then chốt có thể ảnh hưởng đến cốt lõi tranh chấp về trách nhiệm. Như đã nêu tại [65] ở trên, nếu không có kết luận của hội đồng trọng tài tại đoạn 548, PM có thể bị xác định đã chấm dứt Hợp đồng EPC một cách sai trái. Điều này

lại có thể ảnh hưởng đến một số kết luận về bồi thường của hội đồng trọng tài, vốn phụ thuộc vào đoạn 548, bao gồm các kết luận về số tiền PVN phải trả cho PM cho công việc thực hiện theo điều khoản 19.6(a),⁸⁷ chi phí hồi hương mà PVN phải trả cho PM theo điều khoản 19.6(e),⁸⁸ và khoản bồi thường cho các công việc bảo tồn do PM thực hiện theo điều khoản 16.3(a).⁸⁹

(c) Thứ ba, hội đồng trọng tài đã đưa ra quyết định mặc dù biết rằng bằng chứng chuyên gia của cả hai bên đều không đề cập đến vấn đề này. Theo chúng tôi, điều này dẫn đến mối lo ngại về sự thiên vị trước khi xét xử nếu vấn đề được trả hồ sơ nhằm nhận thêm bằng chứng như vậy. Mặc dù chúng tôi không xét đến Phán quyết trả hồ sơ khi xem xét việc có vi phạm nguyên tắc tự nhiên công bằng ảnh hưởng đến Phán quyết cuối cùng hay không, nhưng để minh họa mối lo ngại về sự thiên vị trong hoàn cảnh này, khi Phán quyết cuối cùng được trả hồ sơ cho hội đồng trọng tài nhằm tạo cơ hội để xử lý hoặc khắc phục vi phạm mà Thẩm phán đã xác định là có, hội đồng trọng tài đã từ chối thực hiện bất kỳ biện pháp nào theo hướng đó. Theo quan điểm của chúng tôi, điều này có thể làm người quan sát công bằng và hiểu biết nghi ngờ hợp lý rằng lập trường của hội đồng trọng tài, ngay cả khi đối mặt với phán quyết của tòa án về vi phạm nguyên tắc tự nhiên công bằng và lệnh trả hồ sơ để sửa chữa, bắt nguồn từ sự thiên vị trước khi xét xử như vậy. Để tránh hiểu lầm, chúng tôi không coi đây là kết luận về thiên vị thực tế hay sự thiên vị trước khi xét xử, mà chỉ để minh họa sự khó khăn khi ra lệnh trả hồ sơ trong hoàn cảnh này, cũng như khả năng thực tế việc phản ứng của hội đồng trọng tài sẽ bị khiêu nại là có thiên vị rõ ràng. Tóm lại, xét đến tính quan trọng và mức độ nghiêm trọng của vi phạm của hội đồng trọng tài, chúng tôi cho rằng việc trả

⁸⁷ Phán quyết cuối cùng tại các đoạn 586–647; AB Phần D trang 136–153.

⁸⁸ Phán quyết cuối cùng tại các đoạn 663–668; AB Phần D trang 156–158.

⁸⁹ Phán quyết cuối cùng tại các đoạn 730–743; AB Phần D trang 175–177.

hồ sơ không phải là biện pháp phù hợp trong vụ án này.

(d) Thứ tư và cuối cùng, nếu có lệnh trả hồ sơ, rất có thể PM sẽ phải thay đổi lập luận của mình như đã trình bày trong Bản Bào chữa, vì PM sẽ không thể tiếp tục giữ rằng Thông báo thứ hai không nhằm rút lại Thông báo thứ nhất nếu muốn áp dụng lý luận của hội đồng trọng tài tại đoạn 548. Theo chúng tôi, điều này làm nổi bật sự không thể kết luận rằng vấn đề có thể được trả hồ sơ một cách công bằng.

Kết luận

132 Vì những lý do trên, chúng tôi bác đơn kháng cáo của PM trong vụ CA 49 và chấp thuận đơn kháng cáo của PVN trong vụ CA 48. Chúng tôi hủy bỏ lệnh trả hồ sơ của Thẩm phán trong vụ OA 346, đồng thời hủy bỏ đoạn 548 của Phán quyết cuối cùng cũng như bất kỳ phần nào khác của Phán quyết cuối cùng có liên quan đến đoạn 548. Chúng tôi ra phán quyết về chi phí tổng cộng là 140.000 đô la cho PVN, bao gồm chi phí liên quan đến cả hai đơn kháng cáo cùng với các khoản chi phí hợp lý khác, sẽ được các bên thỏa thuận hoặc nếu không thỏa thuận được thì sẽ do chúng tôi quyết định.

Sundaresh Menon
Chief Justice

Steven Chong
Justice of the Court of Appeal

*Vietnam Oil and Gas Group v Joint Stock Company (Power
Machines – ZTL, LMZ, Electrosila Energomachexport)*

[2025] SGCA 50

Belinda Ang Saw Ean
Justice of the Court of
Appeal

Dr Colin Ong KC, Daniel Koh and Genevieve Wong (Eldan Law
LLP) for the appellant in CA 48 and respondent in CA 49;
Edmund Kronenburg, Stephanie Sim and Chan Yu Jie (Braddell
Brothers LLP) for the respondent in CA 48 and appellant in CA 49.
